CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

1. Thời gian: 08h00' ngày 15 tháng 12 năm 2026 (thứ Ba)
2. Địa điểm: Phòng họp số 01 tầng 29 - Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV
Số 3 Dương Đình Nghệ, P. Yên Hòa, Hà Nội.

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
07h30-08h00	**I**	**Công tác chuẩn bị:**	
	1	Đón tiếp đại biểu và cổ đông.	Ban Tổ chức
	2	Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu.	Ban KT tư cách cổ đông
08h00-11h00	**II**	**Khai mạc:**	
	1	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.	Ban Tổ chức
	2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ.	Ban KT tư cách cổ đông
	3	Giới thiệu Chủ tọa điều hành ĐHĐCĐ.	Ban Tổ chức
	4	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Thư ký.	Chủ tọa
	5	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.	Chủ tọa
	6	Thông qua Chương trình ĐHĐCĐ.	Chủ tọa
	7	Thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ.	Chủ tọa
	III	**Nội dung ĐHĐCĐ:**	
	1	Thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024.	Chủ tọa
	2	Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.	Chủ tọa
	3	Báo cáo về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP	Chủ tọa
	4	Bầu nhân sự bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2025 - 2030.	Chủ tọa
	5	Thông qua/chấp thuận hợp đồng mua bán phôi thép giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP và Công ty CP Gang thép Cao Bằng.	Chủ tọa
	6	Thông qua điều chỉnh Hợp đồng mua bán đồng tấm (đồng cathode) giữa TKV và Vimico.	Chủ tọa

Signature Not Verified
Ký bởi: NGÔ QUỐC TRUNG
Ký ngày: 23/11/2026 15:00:56

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
	7	Thông qua các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.	Chủ tọa
	8	Báo cáo kết quả biểu quyết.	Ban KT kết quả biểu quyết
	9	Trình bày Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.	Ban Thư ký
	10	Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.	Chủ tọa
11h00	11	Bế mạc ĐHĐCĐ.	Chủ tọa



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 3280 BC-VIMICO	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO
V/v bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám được ban hành kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1819/NQ - VIMICO ngày 18/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP như sau:

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông nội dung như sau:

Thực hiện thẩm quyền quy định tại điểm c, Khoản 3, Điều 27 Điều lệ Tổng công ty ngày 20/10/2026, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 1819/NQ - VIMICO ngày 18/11/2026 về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, cụ thể:

- Họ và tên: Lý Xuân Tuyên

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

- Chức vụ được bổ nhiệm: Tổng giám đốc Tổng công ty; là Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

- Thời điểm bổ nhiệm: Kể từ ngày 19/11/2026

- Thời hạn giữ chức vụ: 05 năm kể từ ngày được bổ nhiệm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 18/11/2026 tại đường dẫn: http://vimico.vn

Căn cứ quy định tại điểm c, Khoản 3, Điều 27 Điều lệ Tổng công ty ngày 20/10/2026, việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị và đã hoàn tất đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông được biết nội dung nêu trên. Nội dung này được báo cáo để Đại hội đồng cổ đông biết, không thuộc nội dung phải biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3278 /TB - VIMICO

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc đề cử, ứng cử nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám được ban hành kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Căn cứ Nghị quyết số 2990/NQ-VIMICO ngày 30/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP thông báo tới Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự tham gia bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) cho thời gian còn lại của nhiệm 2025-2030, như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 01 thành viên HĐQT.

- Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT bầu bổ sung: Theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 2025-2030.

- Thời gian và địa điểm thực hiện bầu cử: Thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2).

- Tài liệu hướng dẫn việc đề cử, ứng cử ứng viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT được Hội đồng quản trị Tổng công ty thông báo và đăng tải trên website Tổng công ty (https://vimico.vn/).

- Dự thảo Quy chế bầu cử: Được Hội đồng quản trị Tổng công ty công bố, đăng tải trên website của Tổng công ty và sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2) trước khi tiến hành bỏ phiếu bầu.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

MẪU 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
Về việc đề cử, ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2)

Vào hồi….giờ….ngày….tháng….năm 2026, tại ……, chúng tôi là nhóm cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nắm giữ tổng cộng là …… cổ phần (viết bằng chữ ……), chiếm ….. % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, với thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng cho đến thời điểm hiện tại. Dưới đây là thông tin của từng cổ đông trong nhóm:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CMND/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	KÝ TÊN
1					
2					
3					
4					
	Tổng cộng				

Chúng tôi thống nhất đề cử:

1 .Ông (Bà): …….…… ……..

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu số ……Ngày cấp…….....nơi cấp ……..

Địa chỉ thường trú: …… ……...

Trình độ: Học vấn: … …… Chuyên ngành ……....

Hiện đang sở hữu: …… cổ phần (bằng chữ: ……..……)

Tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2) theo Điều lệ Tổng công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội.

2. Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu số ……Ngày cấp…….....nơi cấp ……

Địa chỉ thường trú: …… ……...

Trình độ: Học vấn: … …… Chuyên ngành ……....

Hiện đang sở hữu: ……cổ phần (bằng chữ: ……..……)

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc đề cử, ứng cử tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 để bầu thành viên Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 (lần 2) của Tổng công ty.

……, ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP NHIỆM KỲ 2025-2030 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026 (LẦN 2)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám được ban hành kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Tôi tên là: .....

Số CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu:.....Nơi cấp:.....Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: .....Trình độ chuyên môn, kỹ thuật: .....

Tôi nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết tại Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP liên tục ít nhất sáu (06) tháng cho đến thời điểm hiện tại là: ..... cổ phần.

Đề nghị Ban tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 (lần 2) Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP ghi nhận tôi đã đăng ký tham gia ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 để bầu tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 (lần 2) của Tổng công ty (*có sơ yếu lý lịch, photocopy công chứng CMND và các giấy tờ bằng cấp, chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn kèm theo đơn này*).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Xin trân trọng cảm ơn!

..... *ngày .... tháng ..... năm 2026*

ỨNG CỬ VIÊN

MẪU 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP NHIỆM KỲ 2025-2030 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026 (LẦN 2)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám được ban hành kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Tên cá nhân/tổ chức: .....

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu/ĐKKD số:..... ngày cấp ..... tại .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .... Fax .....

Số cổ phần tổ chức/ cá nhân.....sở hữu liên tục ít nhất sáu (06) tháng tại Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP cho đến thời điểm hiện tại là ..... cổ phần.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2) Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP ghi nhận chúng tôi đã đề cử:

1. Ông/Bà: .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Nơi cấp: ..... Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: ..... Trình độ chuyên môn kỹ thuật: .....

2. Ông/Bà: .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Nơi cấp: ..... Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: ..... Trình độ chuyên môn kỹ thuật: .....

Để bầu vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 (lần 2).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030, người được chúng tôi đề cử xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Xin trân trọng cảm ơn!

..... ngày .... tháng ..... năm 2026

NGƯỜI ĐỀ CỬ

MẪU 04

Ảnh 4x6
(ảnh màu mới nhất có đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các thành viên được đề cử, ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2))

I. VỀ BẢN THÂN:

1. Họ và tên khai sinh: .....
2. Họ và tên thường dùng: .....
3. Bí danh: .....
4. CMND/ Hộ chiếu số: .....Cấp ngày: .....
   tại: .....
5. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
6. Ngày tháng năm sinh: .....
7. Nơi sinh: .....
8. Quốc tịch .....
9. Dân tộc: ..... 10. Tôn giáo: .....
11. Nguyên quán: .....
12. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: .....
13. Địa chỉ thường trú theo CMND: .....
14. Địa chỉ thường trú hiện nay: .....
15. Ngày vào cơ quan Nhà nước (nếu có): .....
16. Ngày vào Đảng (nếu là đảng viên): .....
17. Ngày tham gia các đoàn thể: .....
18. Sở trường công tác: .....
19. Tên của tổ chức đại diện (nếu có): .....
20. Địa chỉ của tổ chức uỷ quyền đại diện: .....
21. Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tại KSV: .....
22. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện tại KSV: .....
23. Trình độ học vấn: .....
24. Trình độ chuyên môn (ghi rõ khoá học): .....
25. Trình độ ngoại ngữ: .....
26. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp từ năm 18 tuổi):

.....
.....
.....
.....

26. Khen thưởng: .....

27. Kỷ luật: .....

28. Chức vụ công tác hiện nay: .....

29. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): .....

II. MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH *(Bố, mẹ, vợ (chồng), anh chị em ruột, con)*

Mối quan hệ	Họ và tên	Tuổi	Nơi công tác	Chức vụ

III. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT:

Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Xác nhận[1]

..... *ngày ..... tháng ..... năm 2026.*

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi Chú:

[1] *Xác nhận của thủ trưởng cơ quan nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân hoặc UBND xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân).*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

Số: 3279 /QC-VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026

QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2025 - 2030

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám được ban hành kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2) được thực hiện với các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng bầu cử:

1. Nguyên tắc bầu cử: Việc bầu cử Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) được thực hiện theo nguyên tắc:

- Bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín;
- Việc bầu cử Thành viên HĐQT Tổng công ty được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020.

2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là tất cả các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu) của một hoặc nhóm cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 20/11/2026 của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì bầu Thành viên HĐQT với nhiệm vụ cụ thể:

- Tổng hợp, lập danh sách những người ứng cử và đề cử vào HĐQT để thông qua tại Đại hội;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về bầu cử Thành viên HĐQT (nếu có).

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn Thành viên HĐQT:

1. Số lượng Thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 01 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm.
3. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;

c) Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức liêm khiết, trung thực và có ý thức chấp hành Pháp luật.

d) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

e) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

Điều 3. Điều kiện ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT:

1. Trước cuộc họp Đại hội, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng viên cho các vị trí Thành viên HĐQT.

2. Việc đề cử Thành viên Hội đồng quản trị:

a) Các Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các Thành viên Hội đồng quản trị.

b) Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 10% đến dưới 20% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.
- Từ 20% đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.
- Từ 50% đến dưới 65% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên.
- Từ 65% trở lên thì được đề cử đủ số ứng cử viên.

c) Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu là Thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 1, Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Cách thức giới thiệu, bầu Thành viên HĐQT

1. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào HĐQT phải được gửi về cho HĐQT đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2) được tổ chức.

2. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào HĐQT (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Tổng công ty, địa điểm nơi tổ chức Đại hội và đăng trên website Tổng công ty.

3. Việc bầu Thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

3. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Tổng công ty .

5. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

6. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu

bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

7. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng Thành viên HĐQT.

9. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số Thành viên HĐQT thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ Thành viên HĐQT hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

10. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

11. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. Ghi phiếu bầu cử và kiểm phiếu:

1. Cách ghi phiếu bầu cử: Bầu bằng phương pháp ghi số cổ phần cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn. Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi trực tiếp số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên tại cột "Số phiếu biểu quyết". Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông. Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A biểu quyết chọn 05 Thành viên HĐQT trong tổng số 05 ứng viên. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và ủy quyền) 1000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là: (1000 x 5) = 5000 phiếu bầu.

- Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều số phiếu bầu của mình cho 05 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1000 phiếu bầu)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	1000
2	Ứng viên B	1000
3	Ứng viên C	1000
4	Ứng viên D	1000
5	Ứng viên E	1000
	Tổng cộng	5000

- <u>Trường hợp 2</u>: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết số phiếu bầu của mình cho 01 ứng viên (trường hợp dồn hết cho ứng viên B)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	0
2	Ứng viên B	5000
3	Ứng viên C	0
4	Ứng viên D	0
5	Ứng viên E	0
	Tổng cộng	5000

- <u>Trường hợp 3</u>: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 05 ứng viên (nhưng không đều nhau)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	1000
2	Ứng viên B	500
3	Ứng viên C	1200
4	Ứng viên D	800
5	Ứng viên E	1500
	Tổng cộng	5000

- <u>Trường hợp 4</u>: Cổ đông Nguyễn Văn A chia phiếu bầu của mình cho vài ứng viên (chia phiếu bầu cho ứng viên C và ứng viên E)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	0
2	Ứng viên B	0
3	Ứng viên C	2000
4	Ứng viên D	0
5	Ứng viên E	3000
	Tổng cộng	5000

- Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông có thể lựa chọn một trong 4 phương thức trên và phương thức khác phù hợp theo quy định để thực hiện bầu.

- Trên mỗi phiếu bầu đều có danh sách các ứng cử viên. Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sẽ lựa chọn các ứng cử viên mà mình tín nhiệm để bầu. Trong trường hợp viết sai Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

2. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:

- Việc kiểm phiếu được Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc và được tiến hành ở phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông và/hoặc Chủ tọa Đại hội;

- Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu;

- Niêm phong toàn bộ các Phiếu bầu cử, bàn giao lại cho Ban kiểm soát Tổng công ty ngay sau khi Đại hội bế mạc.

3. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu. Trưởng Ban bầu cử đọc Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội.

- Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban bầu cử làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 6. Khiếu nại về bầu cử và kiểm phiếu:

1. Mọi cổ đông dự họp Đại hội đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề liên quan đến việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị.

Mọi khiếu nại và bầu kết quả bổ sung đều phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

2. Mọi khiếu nại về bầu cử, kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi váo Biên bản cuộc họp Đại hội.

Điều 8. Hiệu lực quy chế:

Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông tham dự Đại hội cổ đồng bất thường năm 2026 (lần 2) và Ban tổ chức Đại hội kể từ thời điểm Đại hội thông qua.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- BGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Tổng công ty;
- Website Tổng công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Số: 3281 /TTr-VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23. tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2025 - 2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 2199/QĐ-TKV ngày 18/11/2026 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cử Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 3238/NQ-VIMICO ngày 18/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2025 - 2030, cụ thể như sau:

- Họ và tên: Lý Xuân Tuyên.
- Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
- Là Người đại diện của TKV được cử tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP theo Quyết định số 2199/QĐ-TKV ngày 18/11/2026 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

(Thông tin nhân sự và hồ sơ ứng viên kèm Tờ trình này)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc bầu ông Lý Xuân Tuyên làm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Kiểm soát TCT;
- Lưu VP, TCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. VỀ BẢN THÂN:

1/ Họ và tên: Lý Xuân Tuyên

2/ Giới tính: Nam

3/ Sinh ngày: 18/02/1980

4/ Nơi sinh: Xã Cẩm Nhân - tỉnh Lào Cai

5/ Số CMND: 015080001078 Ngày cấp: 24/4/2021 Nơi cấp: Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Tày

8/ Địa chỉ thường trú: CH A2605 Imperia Garden, 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

9/ Số điện thoại:

10/ Địa chỉ email:

11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Tổng giám đốc Tổng công ty

12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Kim loại mầu Thái Nguyên;
- Chủ tich HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

13/ Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2004 – 9/2005	Xí nghiệp liên doanh đồng Lào Cai	CB phân xưởng Tuyển khoáng
10/2005 – 4/2006	Xí nghiệp Mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	CBKT Phân xưởng Tuyển khoáng
5/2006 – 7/2006	Xí nghiệp Mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Đốc công Phân xưởng Tuyển khoáng
8/2006 – 9/2007	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Đốc công Phân xưởng Tuyển khoáng, kiêm Bí thư liên chi đoàn

10/2007 – 7/2008	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Phó quản đốc Phân xưởng Tuyển khoáng
8/2008 – 6/2009	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Phó quản đốc – Phụ trách Phân xưởng Tuyển khoáng
7/2009 – 5/2010	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Phó quản đốc Phân xưởng Tuyển khoáng; Kiêm Phó chủ tịch công đoàn Công ty
6/2010 – 01/2011	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Phó giám đốc Công ty Kiêm Phó chủ tịch công đoàn Công ty
02/2011 – 7/2013	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Phó giám đốc Công ty Kiêm Chủ tịch công đoàn Công ty
8/2013 – 10/2015	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc công ty
10/2015 – 11/2019	Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Chi nhánh
11/2019- 10/2026	Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Phó Tổng giám đốc Chức vụ kiêm nhiệm: CT HĐQT CTCP KLM Thái Nguyên CT HĐQT CTCP Gang thép Cao Bằng
11/2026 - nay	Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV

II. MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH *(Bố, mẹ, vợ (chồng), anh chị em ruột, con)*

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị-xã hội ...
Bố	Lý Xuân Cương	1946	Quê quán, nơi ở: thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Làm ruộng tại Lào Cai.
Mẹ	Nguyễn Thị Cạy	1946	Quê quán, nơi ở: thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Làm ruộng tại Lào Cai.

Vợ	Nguyễn Thu Hà	1983	Quê quán: Lào Cai; Nhân viên VP Tổng công ty Khoáng sản. Căn hộ A2605 Chung cư Imperia Garden, 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, TP Hà Nội.
Con	Lý Mai Linh	2006	SV trường ĐH kinh tế quốc dân HN, ở cùng bố mẹ tại Hà Nội.
Con	Lý Bảo Châu	2011	Học sinh, ở cùng bố mẹ tại Hà Nội.
Con	Lý Minh Châu	2017	Học sinh, ở cùng bố mẹ tại Hà Nội.
Anh trai	Lý Xuân Hùng	1966	thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Làm ruộng tại Lào Cai
Chị gái	Lý Thị Hương	1970	thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Làm ruộng tại Lào Cai
Chị gái	Lý Thị Xuyến	1973	thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Làm ruộng tại Lào Cai
Anh trai	Lý Xuân Tuyến	1975	thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Kỹ sư nông nghiệp, nghỉ chế độ tại Lào Cai
Anh trai	Lý xuân Tuyển	1977	thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Cử nhân kinh tế nông nghiệp, làm Phó chủ tịch MTTQ, Chủ tịch Hội Nông dân xã Cảm Nhân
Em gái	Lý Thị Truyền	1982	Thôn Vàng, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai; Giáo viên tại Trường Mầm non Sơn Ca, xã Tằng Loỏng, tỉnh Lào Cai

III. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT:

Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

NGƯỜI KHAI

Lý Xuân Tuyên

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3242 /TTr - VIMICO

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v thông qua/chấp thuận hợp đồng mua bán phôi thép giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP và Công ty CP Gang thép Cao Bằng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám ban hành kèm theo Quyết định số: 1380/QĐ - VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Thực hiện Nghị quyết số 669/NQ-VIMICO ngày 25/3/2020 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (VIMICO) và Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (CISCO) đã ký kết hợp đồng hằng năm để tiêu thụ phôi thép do CISCO sản xuất. Để tiếp tục ổn định, phát triển sản xuất trong thời gian tới, chủ động cân đối nguồn nguyên liệu và có cơ sở triển khai các phương án đầu tư, chế biến sâu trong dài hạn; VIMICO cần có hợp đồng mua bán phôi thép dài hạn với CISCO với các nội dung chủ yếu sau:

1. Hàng hóa mua bán: Phôi thép các loại (bao gồm cả gang lỏng, thép nóng nếu bên mua có nhu cầu) do CISCO sản xuất, cung cấp.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: tối thiểu là 04 năm (dự kiến từ năm 2027) và được tự động gia hạn cho đến khi CISCO hoàn trả hết dư nợ phải trả VIMICO theo tạm ứng hợp đồng.

3. Khối lượng mua bán tạm tính **820.000 tấn**; khối lượng thực tế mua bán: Toàn bộ phôi thép (bao gồm cả gang lỏng, thép nóng nếu bên mua có nhu cầu) do CISCO sản xuất, cung cấp trong thời gian hợp đồng mua bán có hiệu lực.

4. Đơn giá mua bán tạm tính (chưa gồm thuế GTGT) **13.500.000 đồng/tấn.**

5. Giá trị hợp đồng tạm tính (bao gồm cả thuế GTGT và các khoản thuế, phí, lệ phí - nếu có): **12.177.000.000.000 đồng**.

6. Tạm ứng hợp đồng (thanh toán trả trước tiền mua hàng): Tối đa bằng 20% giá trị hợp đồng tạm tính nêu trên. Số tiền tạm ứng từng kỳ, tuỳ thuộc nhu cầu vốn của CISCO và phù hợp khả năng tài chính của VIMICO;

7 .Tỷ lệ chiết khấu tạm ứng tiền hàng được tính tương đương với lãi suất VIMICO huy động vay ngắn hạn tại BIDV - Sở giao dịch 3 (hoặc VIMICO huy động vay ngắn tại một ngân hàng khác được hai bên thống nhất nếu VIMICO không huy động vay ngắn hạn tại BIDV) theo từng thời kỳ tương ứng với kỳ tính tiền chiết khấu.

Do Hợp đồng có giá trị lớn, thuộc thẩm quyền phê duyệt/thông qua của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua/chấp thuận:

1. Hợp đồng mua bán phôi thép dài hạn giữa VIMICO và CISCO bao gồm các nội dung chủ yếu như trên. *(Có Dự thảo chi tiết Hợp đồng kèm theo).*

2. Giao Tổng giám đốc VIMICO tổ chức đàm phán hoàn thiện, ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá phôi thép với CISCO và tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền HĐQT VIMICO xem xét, quyết định điều chỉnh các nội dung liên quan cho phù hợp thực tế sản xuất kinh doanh và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ đại hội gần nhất.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét, thông qua để có cơ sở triển khai thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như rên;
- Các TV HĐQT VIMICO;
- BKS VIMICO;
- Lưu VT, TCKT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA PHÔI THÉP
Số: /VIMICO - CISCO/20....

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;
Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
Căn cứ Nghị quyết số: /NQ - VIMICO ngày / /20… của Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường năm 20… - Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP;
Căn cứ Nghị quyết số /NQ - ĐHĐCĐ ngày / /20… của Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường năm 20… - Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng;
Căn cứ khả năng và nhu cầu của các Bên.
Hôm nay, ngày tháng năm 20…., tại trụ sở ……., chúng tôi gồm:

BÊN BÁN : CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
(Sau đây gọi/viết tắt là "**Bên A** hoặc **CISCO**")
Địa chỉ : Số 052, tổ dân phố Phố Thầu, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.
Điện thoại : 0206.3953.369
Mã số thuế : 4800162247
- Tài khoản số : 33000.17892, tại BIDV, Chi nhánh Cao Bằng.
- Tài khoản số : 35256660666666, tại MB Bank, Chi nhánh Hoàn Kiếm
- Tài khoản số : 39476789, tại VP Bank.

Người đại diện: Ông **Trần Văn Chưởng** ; Chức vụ: Giám đốc.

BÊN MUA : TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP
Sau đây gọi/viết tắt là "**Bên B** hoặc **VIMICO**")
Địa chỉ : Tầng 29 & 30 toà nhà VinacominTower, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại : 024.6287.6666
Mã số thuế : 0100103087
- Tài khoản số : 112000054351, tại Vietinbank - Chi nhánh Hai Bà Trưng
- Tài khoản số : 1600073585, tại BIDV - Chi nhánh Sở giao dịch 3
- Tài khoản số : 0021000243133, tại Vietcombank - Chi nhánh Hà Nội
- Tài khoản số : 0571104010005, tại MB Bank - Chi nhánh Hoàn Kiếm
- Tài khoản số : 170114851000017, tại EximBank - Chi nhánh Long Biên, Hà Nội.
- Tài khoản số : 4522666888, tại VP Bank

Người đại diện : Ông …….. ; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Hai Bên thoả thuận ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là phôi thép (sau đây gọi/viết tắt là "**Hợp đồng**") với các điều kiện và điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Hàng hóa mua bán

1. Tên hàng hóa: Phôi thép các loại (bao gồm cả nước Gang lỏng - nếu có).
2. Xuất xứ: Phôi thép các loại được CISCO sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, địa chỉ: Km7, QL34, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.
3. Chi tiết quy cách và chất lượng hàng hóa

3.1 Quy cách hàng hóa

- Dạng thanh hình khối chữ nhật, mặt cắt ngang hình vuông, hàng để rời từng

thanh.

- Kích thước các cạnh mặt cắt ngang: 150 mm x 150 mm. Dung sai: +/- 5 mm
- Chiều dài: ≤ 6.330 mm (cụ thể theo đặt hàng của Bên Mua). Dung sai: +/- 100 mm
- Sai khác đường chéo: Tối đa 10 mm.
- Bán kính góc lượn hoặc vát góc: R ≤ 15 mm.
- Tổng độ cong: Tối đa 10 mm/mét.
- Độ xoắn: Tối đa 01 độ/mét.
- Điều kiện bề mặt: Không cong vênh, vết nứt, vết gấp, không bị rỗ với lỗ khí quá 2mm. Hai đầu phôi không bị co. Bề mặt sạch, không bám vảy sắt.
- Đánh dấu, ghi mã số: Theo quy định của nhà sản xuất. Bên A ghi rõ số lô, số mẻ luyện trên từng thanh phôi thép để tạo thuận lợi cho Bên Mua khi kiểm tra chất lượng lô hàng.
- Quy cách hàng hóa thực tế có thể có thay đổi so với quy cách hàng hóa công bố trong Hợp đồng mua bán (nếu có).

3.2. Chất lượng hàng hóa:

- Theo tiêu chuẩn cơ sở các mác thép cho hoạt động sản xuất kinh doanh của CISCO Quyết định số 1033/QĐ-CISCO ngày 14/8/2024 và/hoặc các TCCS khác do CISCO ban hành trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có)..
- Các chủng loại hàng hóa có quy cách, chất lượng khác ngoài TCCS CISCO ban hành (nếu có): Theo văn bản đề nghị của VIMICO và phù hợp khả năng sản xuất, cung cấp của CISCO; văn bản này là một phần không tách rời của Hợp đồng.
- Theo đơn đặt hàng của Bên B và được Bên A chấp nhận, trên cơ sở các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Hoa Kỳ, Đức, Ý, Pháp, Anh, EU hoặc các tiêu chuẩn đang áp dụng khác cho từng mác thép cụ thể; tối thiểu 01 tháng trước ngày giao hàng sớm nhất và được quy định cụ thể theo từng Phụ lục hợp đồng.

4. Khối lượng mua bán:

4.1. Khối lượng mua bán tạm tính: **820.000 tấn**.

4.2. Khối lượng mua bán (thực hiện): Theo thực tế sản xuất, nhu cầu tiêu thụ của CISCO và phù hợp nhu cầu thị trường. Khối lượng mua bán cụ thể hàng tháng, hàng quý, hàng năm sẽ được thực hiện theo hợp đồng mua bán giữa Bên B và Khách hàng mua lại phôi thép các loại (thuộc Hợp đồng này) từ Bên B (sau đây gọi/viết tắt là "**Bên C**") hoặc theo hợp đồng mua bán giữa hai Bên phục vụ chế biến sâu (cán thép hình) của Bên B.

Điều 2. Giá cả mua bán hàng hóa và Giá trị hợp đồng

1. Đơn giá mua bán tại thời điểm hai Bên (A&B) ký kết hợp đồng:

Đơn giá mua bán tạm tính (chưa bao gồm thuế GTGT nhưng đã bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí khác nếu có) khi hai Bên (A&B) ký kết hợp đồng là: **13.500.000 đồng/tấn** phôi thép đảm bảo yêu cầu quy cách, chất lượng nêu tại Điều 1 Hợp đồng.

2. Giá trị hợp đồng tạm tính (đã bao gồm 10% thuế GTGT và các khoản thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam - nếu có) là **12.177.000.000.000 đồng** ***(Bằng chữ: Mười hai nghìn, một trăm bảy mươi bảy tỷ đồng).***

3. Đơn giá mua bán chính thức:

3.1. Giá mua bán: Giá mua bán hàng hóa thuộc Hợp đồng được tính theo giá cả thị trường tại từng thời điểm thực tế phát sinh giao dịch mua bán - (trừ) chi phí vốn/tài chính/thương mại (chi phí tổ chức/tham gia đấu giá, chào giá, thỏa thuận giá - nếu có) liên quan đến hợp đồng này. Chi phí vốn/tài chính/thương mại (nếu có) được giảm trừ

vào giá mua bán các lô hàng giao nhận từng tháng hoặc từng quý hoặc khi kết thúc năm tài chính hoặc khi quyết toán hợp đồng hoặc Bên A thanh toán hoàn trả Bên B theo hình thức/phương thức khác phù hợp được hai Bên thông nhất.

3.2. Giá cả thị trường được xác định theo các hình thức sau:

3.2.1. Đơn giá mua bán phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này là đơn giá Bên B bán phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này cho Bên C (được xác định trên cơ sở kết quả Bên B tổ chức đấu giá, chào giá, thỏa thuận giá (áp giá)… bán phôi thép các loại theo quy chế tiêu thụ do HĐQT VIMICO ban hành (bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, thay thế sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng này - nếu có).

3.2.2. Đơn giá mua bán phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này là đơn giá Bên B bán phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này cho Bên C (được xác định trên cơ sở kết quả Bên B tham gia đấu giá, chào giá, thỏa thuận giá,… do Bên C tổ chức. Trong trường hợp này, trên cơ sở các yêu cầu về điều kiện tài chính, thương mại Bên C đưa ra, Bên B sẽ trao đổi, thống nhất với Bên A trước khi tham gia đấu giá, chào giá, thỏa thuận giá.

3.2.3. Đơn giá mua bán phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này là đơn giá Bên B mua phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này để chế biến sâu (cán thép hình), được xác định theo hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá phôi thép và/hoặc hợp đồng mua bán hàng hoá phôi thép hàng năm phục vụ chế biến sâu giữa Bên A và Bên B.

4. Giá trị hợp đồng chính thức của Hợp đồng được xác định cụ thể theo khối lượng giao nhận, đơn giá chính thức và chất lượng thực tế của các lô hàng giao nhận thuộc Hợp đồng này và hợp đồng giữa Bên B và Bên C hoặc giữa hai Bên trong trường hợp phục vụ chế biến sâu của Bên B.

Điều 3. Giao nhận hàng hóa mua bán

1. Bên nhận hàng: Là Bên B hoặc là Bên C tại từng lần Bên B tổ chức bán hàng thành công và được thể hiện tại hợp đồng mua bán giữa Bên B và Bên C; trong trường hợp này, hợp đồng được ký kết giữa Bên B và Bên C gửi cho Bên A được coi như là Phụ lục của Hợp đồng này (ngoại trừ những nội dung, điều khoản xung đột lợi ích với nội dung, điều khoản quy định tại Hợp đồng này) ràng buộc hai Bên phải có nghĩa vụ, trách nhiệm cùng thực hiện.

2. Phương thức, địa điểm giao nhận hàng hóa:

2.1. Hàng hoá được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên B (hoặc của Bên C - do Bên B chỉ định) tại kho của Bên A (địa chỉ: khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km 7, Quốc lộ 34, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng). Chi phí bốc xếp, rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hóa được chuyển từ Bên A sang Bên B (hoặc Bên C) kể từ thời điểm hàng hóa được giao lên phương tiện vận chuyển của Bên B (hoặc của Bên C - do Bên B chỉ định) theo quy định của Hợp đồng này.

2.2. Giao nhận hàng hóa tại địa điểm khác: Trường hợp Bên C yêu cầu giao hàng tại địa điểm, phương thức khác và đã được Bên A thống nhất trước khi Bên B ký kết hợp đồng với Bên C thì phương thức, địa điểm giao nhận sẽ theo hợp đồng giữa Bên B và Bên C. Trong trường hợp này, địa điểm chuyển giao chi phí, chuyển giao rủi ro về mất mát, hư hại hàng hóa được chuyển từ Bên A sang Bên B (hoặc Bên C) kể từ thời điểm hàng hóa dỡ khỏi phương tiện vận của Bên A (và/hoặc của Bên cung cấp dịch vụ vận tải) tại địa điểm giao nhận hàng đã được Bên B và Bên C thỏa thuận tại hợp đồng ký kết giữa Bên B và Bên C. Bên A có trách nhiệm tổ chức, bố trí nhân lực, phương tiện nâng hạ, bốc xếp, vận chuyển, áp tải, bảo vệ, bảo hiểm hàng hóa (nếu có) và trả chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng đến giao cho Bên C đảm bảo việc giao nhận hàng hóa diễn ra thuận lợi, đáp ứng kịp thời yêu cầu của Bên C theo hợp đồng ký kết giữa Bên B và Bên

C. Khối lượng hàng hóa mua bán trong trường hợp này là khối lượng cân xác định tại địa điểm giao nhận; giá cả mua bán hàng hóa trong trường hợp này là giá mua bán đã bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến bốc xếp, vận chuyển, bảo hiểm, áp tải, bảo vệ... hàng hóa đến địa điểm giao nhận giao cho Bên C.

2.3. Vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao nhận quy định tại Khoản 2.2 Điều này:

a) Bên B hỗ trợ Bên A tổ chức lựa chọn, ký kết hợp đồng (hoặc có thể ủy quyền Bên A ký kết hợp đồng) vận chuyển hàng hóa từ kho của Bên A đến địa điểm giao nhận hàng theo chỉ định của Bên C và thanh toán chi phí vận chuyển hàng hóa cho nhà cung cấp dịch vụ vận tải (sau đây gọi/viết tắt là "**Bên vận tải /Bên D/Bên VT**").

b) CISCO chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo hiểm, bảo quản, bảo vệ hàng hóa vận chuyển và tự chịu mọi rủi ro, tổn thất, chi phí phát sinh (nếu có) kể từ thời điểm Bên vận tải tiếp nhận hàng hóa vận chuyển từ Bên A tại địa điểm giao nhận hàng hóa vận chuyển đến khi hoàn thành giao nhận hàng hóa cho Bên C; đồng thời phải thanh toán hoàn trả VIMICO chi phí vận chuyển hàng hóa VIMICO phải trả cho Bên vận tải quy định tại Tiết c) và d) Điểm 2.3 Khoản này.

c) Đơn giá vận chuyển hàng hóa tạm tính (chưa bao gồm thuế GTGT) là: **600.000 đồng/tấn phôi thép**.

d) Đơn giá vận chuyển hàng hóa chính thức:

Theo hợp đồng được ký kết giữa VIMICO và Bên vận tải. Bên vận tải được VIMICO lựa chọn theo hình thức đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, ký hợp đồng trực tiếp v.v..., tuân thủ Quy định về Lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc dự án đầu tư trong Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP ban hành kèm theo Quyết định số: 243/QĐ - VIMICO ngày 14/03/2024 (bao gồm cả các Quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế - nếu có). Đơn giá vận chuyển sẽ được VIMICO và Bên vận tải xác định, quyết toán theo từng tháng hoặc từng lô hàng tùy theo tình hình thực tế thực hiện.

e) Phát hành hóa đơn GTGT dịch vụ vận chuyển hàng hóa:

Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hóa đơn GTGT dịch vụ vận chuyển hàng hóa do Bên vận tải phát hành; Bên B sẽ phát hành, gửi Bên A hóa đơn GTGT của dịch vụ vận tải hàng hóa;

3. Tiến độ cung cấp và kế hoạch giao nhận hàng hóa:

3.1. Tiến độ cung cấp: Khối lượng hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này được Bên A cung cấp cho Bên B trong 4 năm, dự kiến từ năm 2027 đến năm 2030. Tiến độ cung cấp cụ thể hàng tháng, hàng quý, hàng năm sẽ thực hiện theo hợp đồng giữa Bên B và Bên C và/hoặc giữa hai Bên.

Trường hợp vì những lý do khách quan mà Bên A không thể giao hàng và/hoặc Bên B (hoặc Bên C - do Bên B chỉ định) không thể hoàn thành nhận hàng theo tiến độ đã thỏa thuận thì Bên B sẽ thỏa thuận với Bên C điều chỉnh thời gian giao nhận hàng cho phù hợp; thỏa thuận này sẽ đồng thời là thỏa thuận giữa Bên A và Bên B.

3.2. Đợt giao nhận hàng: Hàng hoá sẽ được hai Bên giao nhận thành nhiều lần/nhiều lô/nhiều đợt, đảm bảo khối lượng hàng hoá phù hợp với quy định tại Điều 1 Hợp đồng. Khối lượng giao nhận mỗi lô hàng không dưới 1.000 +/- 5% tấn (hoặc theo khối lượng hàng mua bán giữa Bên B và Bên C, nếu số lượng mua bán dưới 1.000 tấn).

3.3. Thời gian giao nhận hàng ngày: Từ 07 giờ 00 phút đến 22 giờ 30 phút hàng ngày (ngoại trừ ngày nghỉ lễ, tết). Trường hợp Bên B (và/hoặc Bên C - do Bên B chỉ định) có nhu cầu giao nhận hàng hóa ngoài thời gian nêu trên thì phải trao đổi trước với đại diện giao hàng của Bên A trước thời gian dự kiến nhận hàng ít nhất 14 giờ để Bên

B bố trí nhân lực, phương tiện bốc xếp (nếu có khả năng đáp ứng).

4. Kế hoạch giao nhận hàng hóa: Trước khi giao hàng ít nhất 01 (một) ngày, Bên B thông báo cho Bên A về đơn vị nhận hàng (Bên C), số lượng hàng hóa sẽ giao nhận bằng Thông báo giao hàng gửi cho Bên A.

5. Xác nhận khối lượng: Khối lượng hàng hóa mua bán (giao nhận) được xác định theo thực tế cân xác định qua cân điện tử phù hợp tại địa điểm giao nhận. Bên B (hoặc Bên C) có trách nhiệm cử cán bộ của mình đến địa điểm giao nhận hàng để phối hợp với Bên A theo dõi, thống kê và lập Biên bản giao nhận hàng hóa.

Điều 4. Giám định, xác định chất lượng và bảo hành hàng hóa

1. Giấy chứng nhận chất lượng:

Bên A cung cấp cho Bên B (hoặc Bên C) toàn bộ các giấy chứng nhận chất lượng (*Mill test*) của Nhà máy sản xuất cho từng lô hàng ngay sau khi hoàn thành giao nhận lô hàng đó. Trường hợp đơn đặt hàng của Bên B có yêu cầu về giám định chất lượng bổ sung bởi một trong các cơ quan giám định độc lập đang hoạt động tại Việt Nam phải do Bên A thực hiện trước khi giao hàng thì chi phí cho công tác giám định này do Bên A chịu.

2. Giám định lại và Quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng:

2.1. Giám định lại:

Bên B (hoặc Bên C) có quyền tự giám định lại hoặc yêu cầu một tổ chức giám định độc lập đang hoạt động tại Việt Nam giám định lại chất lượng hàng hóa tại địa điểm nhận hàng hoặc tại kho bãi của mình, theo quy trình lấy mẫu và giám định của họ. Bên B (hoặc Bên C) chịu mọi chi phí liên quan tới công tác giám định lại này.

2.2. Quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng:

Nếu có sai khác về chất lượng thì Bên B (hoặc Bên C) phải gửi văn bản khiếu nại chất lượng cho Bên A kèm theo chứng thư/báo cáo giám định lại của tổ chức giám định độc lập (hoặc kết quả tự giám định lại) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hai bên hoàn thành giao nhận lô hàng. Quá thời hạn trên mà Bên B không có văn bản khiếu nại thì coi như Bên B công nhận chất lượng hàng hóa phù hợp với giấy chứng nhận chất lượng (*Mill test*) của Nhà máy sản xuất của Bên A và/hoặc chứng thư/báo cáo giám định của tổ chức giám định độc lập do Bên A mời (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 4.

2.3. Bên A có nghĩa vụ giải quyết khiếu nại chất lượng của Bên B trong vòng 05 (năm) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày Bên A nhận được văn bản khiếu nại của Bên B (hoặc Bên C). Quá thời hạn giải quyết nói trên mà Bên A không xác minh khiếu nại của Bên B thì coi như Bên A đồng ý với khiếu nại của Bên B (hoặc Bên C).

Trường hợp Bên A không đồng ý với khiếu nại chất lượng của Bên B (hoặc Bên C) thì Bên A phải ra văn bản thông báo không chấp nhận khiếu nại của Bên B (hoặc Bên C). Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày có văn bản thông báo của Bên A hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C) thống nhất một trong số các cơ quan giám định theo quy định tại Khoản 3 Điều này Hợp đồng để tiến hành lấy mẫu và giám định theo thời gian do cơ quan này chỉ định và theo quy trình của họ, dưới sự chứng kiến và giám sát của hai bên. Kết quả giám định của cơ quan giám định đã lựa chọn là bắt buộc đối với các bên.

Trên cơ sở kết quả giám định chất lượng của cơ quan giám định được hai Bên nhất trí lựa chọn này, nếu chứng thư/báo cáo giám định chứng minh có lỗi về hàng hóa thì Bên A phải thanh toán các chi phí giám định liên quan. Ngược lại, nếu chứng thư/báo cáo giám định chứng minh là hàng hóa phù hợp thì các chi phí giám định liên quan do

Bên B tự chịu.

3. Cơ quan giám định:

Cơ quan giám định độc lập được hai Bên nhất trí lựa chọn làm cơ quan giám định chính thức đối với chất lượng hàng hóa (nếu có trong trường hợp xảy ra tranh chấp chất lượng hàng hóa) là một trong các đơn vị sau:

- Trung tâm thử nghiệm - kiểm định công nghiệp thuộc Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin (TVCI) - Địa chỉ: Số 565, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội;

- Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội (Vinacontrol) - Địa chỉ: Số 96, Yết Kiêu, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội;

- Tổng cục đo lường chất lượng – Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 (Quatest 1) - Địa chỉ: Số 08, Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội;

- Công ty TNHH SGS Việt Nam - Địa chỉ: Số 198, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi là SGS Việt Nam) [– Áp dụng đối với phôi thép CT5πC tiêu thụ nội bộ TKV cho VMC trong trường hợp có tranh chấp và/hoặc trong trường hợp Bên B mua phôi thép để chế biến sâu thành thép hình.]

4. Bên B (hoặc Bên C) có quyền trả lại Bên A toàn bộ số phôi thép không đạt chất lượng (nếu có). Bên A có trách nhiệm nhận lại số lượng phôi thép không đạt chất lượng này (nhận hàng trên phương tiện của Bên A tại kho Bên B hoặc tại kho của người nhận hàng theo chỉ định của Bên B).

5. Bảo hành hàng hóa: Trong quá trình cán kéo sản phẩm tại nhà máy sản xuất của Bên B (hoặc của Bên C), nếu có hiện tượng vỡ, gãy thanh phôi thì Bên B (hoặc Bên C) có trách nhiệm dừng ngay việc sử dụng hàng hóa, giữ nguyên trạng hàng hóa vào thời điểm đó và ngay lập tức thông báo cho Bên A được biết để phối hợp xử lý. Hai bên chủ động gặp nhau vào thời gian thích hợp tại nhà máy sản xuất của Bên B (hoặc Bên C) để bàn bạc, thảo luận và thực hiện các giải pháp xử lý vấn đề phát sinh trên tinh thần giảm thiểu tối đa các tổn thất phát sinh cho mỗi Bên (nếu có).

6. Các văn bản liên quan tới quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng được chấp nhận dưới dạng bản fax hay e-mail, zalo để kịp thời giải quyết, nhưng bản chính phải được gửi cho Bên kia ngay khi có thể.

Điều 5. Tạm ứng và Thanh toán

1. Thanh toán trả trước tiền mua hàng:

1.1. Thanh toán trả trước (trong Hợp đồng này và các văn bản có liên quan đến Hợp đồng này được gọi tắt/viết tắt là "**Tạm ứng**") được hiểu là Bên B thanh toán tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng này cho Bên A trước thời điểm Bên A chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này cho Bên B (hoặc Bên C - theo chỉ định của Bên B). Thời điểm Bên A chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này cho Bên B (hoặc Bên C) được hiểu là thời điểm Bên A hoàn thành việc giao nhận hàng hóa thể hiện bằng Biên bản giao nhận hàng hóa được đại diện Bên A và Bên B (hoặc Bên C - theo chỉ định của Bên B) ký kết và Bên A đã phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa gửi Bên B.

1.2. Giá trị thanh toán trả trước: Bên B sẽ tạm ứng cho Bên A một khoản tiền tối đa không quá **20%** giá trị hợp đồng tạm tính quy định tại Khoản 2 Điều 2 Hợp đồng.

1.3. Tiến độ, giá trị mỗi lần tạm ứng sẽ được hai Bên xem xét, thống nhất thực hiện theo đề nghị của Bên A và phù hợp khả năng tài chính của Bên B.

1.4. Chiết khấu thanh toán trả trước (chi phí vốn/tài chính):

1.4.1. Chiết khấu thanh toán được hiểu là khoản tiền tính bằng VNĐ/VND Bên A

giảm trừ cho Bên B khi Bên B thanh toán trả trước tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng này cho Bên A (sau đây được gọi tắt/viết tắt là "**tiền chiết khấu**").

1.4.2. Tiền chiết khấu (T_{CK}) được xác định như sau:

T_{CK} = Số tiền thực tế Bên B thanh toán trả trước × (nhân) Tỷ lệ chiết khấu (%/năm) × (nhân) Số ngày thanh toán trả trước : (chia) 365

Trong đó:

- Số tiền thực tế Bên B thanh toán trả trước được xác định theo thực tế Bên B chuyển cho Bên A (bao gồm cả số tiền Bên A còn nợ Bên B được hai Bên thống nhất chuyển thành tiền thanh toán trả trước - nếu có).

- Tỷ lệ chiết khấu:

Được tính tương đương với lãi suất Bên B huy động vay ngắn hạn tại BIDV - Sở giao dịch 3 (hoặc Bên B huy động vay ngắn tại một ngân hàng khác được hai Bên thống nhất nếu Bên B không huy động vay ngắn hạn tại BIDV) theo từng thời kỳ tương ứng với kỳ tính tiền chiết khấu.

- Số ngày thanh toán trả trước:

Được tính từ ngày Bên B chuyển tiền thanh toán trả trước cho Bên A (hoặc ngày hai Bên thống nhất chuyển nợ thành tiền thanh toán trả trước - nếu có) đến ngày Bên B khấu trừ tiền thanh toán trả trước theo quy định của Hợp đồng.

1.4.3. Giá trị chiết khấu hàng tháng/kỳ thanh toán được hai Bên xác định cụ thể tại **Biên bản thống nhất giá trị chiết khấu tiền hàng** theo quy định của Hợp đồng này.

1.4.4. Tổng số tiền chiết khấu thuộc Hợp đồng này sẽ được hai Bên quyết toán khi kết thúc năm tài chính và/hoặc khi quyết toán Hợp đồng.

1.4.5. Chứng từ ghi nhận việc thanh toán tiền chiết khấu giữa hai Bên được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

1.5. Số tiền thanh toán trả trước sẽ được giảm trừ dần khi Bên A xuất trình Hồ sơ thanh toán lô hàng phù hợp với quy định tại điểm 2.5 khoản 2 Điều này cho Bên B. Bên B có toàn quyền quyết định số tiền sẽ thanh toán cho Bên A và số tiền được giữ lại để giảm trừ số tiền thanh toán đã trả trước cho Bên A từ số tiền đề nghị thanh toán trong Hồ sơ thanh toán lô hàng của Bên A.

1.6. Số dư thanh toán trả trước tại thời điểm kết thúc thời gian giao nhận hàng hoá theo tiến độ cung cấp hàng hoá quy định tại Khoản 3 Điều 3 Hợp đồng này được xử lý theo một trong các phương thức sau:

1.6.1. Tự động chuyển thành số dư tạm ứng đầu kỳ của hợp đồng mua bán hàng hoá phôi thép giai đoạn kế tiếp (*nếu có*) giữa hai Bên.

1.6.2. Hợp đồng này tự động gia hạn hiệu lực đến khi Bên A hoàn trả toàn bộ tiền thanh toán trả trước và tiền chiết khấu cho Bên B, nếu không có hợp đồng mua bán hàng hoá phôi thép giai đoạn kế tiếp giữa hai Bên.

2. Thanh toán trả sau tiền mua hàng:

2.1. Thanh toán trả sau được hiểu là việc Bên B trả tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng cho Bên A sau khi hai Bên đã hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa (đã hoàn thành giao nhận hàng hóa) Bên B đã nhận được Hóa đơn Giá trị gia tăng tạm tính của hàng hóa mua bán hoặc Bên B trả tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng cho Bên A sau khi hai Bên đã hoàn thành quyết toán giá trị của từng lô hàng hóa giao nhận theo Hợp đồng và Bên B đã nhận được Hóa đơn Giá trị gia tăng điều chỉnh (nếu có) của hàng hóa được phát hành bởi Bên A.

2.2. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam ("VND/VNĐ").

2.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản và/hoặc bù trừ công nợ (nếu có). Bên B

sẽ tự chi trả phí chuyển tiền và tất cả các khoản phí và lệ phí ngân hàng khác (nếu có) liên quan đến việc chuyển tiền thanh toán cho Bên A.

2.4. Tiến độ thanh toán:

2.4.1. Thanh toán lần đầu: Bên B thanh toán tối đa 95% giá trị tạm tính của lô hàng giao nhận trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày hai Bên hoàn thành giao nhận (hoặc tạm giao nhận) lô hàng và Bên B đã nhận được hoá đơn GTGT thể hiện giá trị tạm tính của lô hàng do Bên A phát hành gửi Bên B.

2.4.2. Thanh toán lần sau: Bên B sẽ thanh toán cho Bên A giá trị còn lại của lô hàng (nếu có) trong vòng 30 ngày, kể từ ngày hai Bên ký **Biên bản quyết toán giá trị lô hàng (hoặc văn bản có ý nghĩa, giá trị pháp lý tương tự)**.

2.5. Hồ sơ thanh toán lô hàng:

- Văn bản đề nghị thanh toán Bên A gửi Bên B (chỉ áp dụng khi thanh toán chuyển khoản).
- Bản chính Biên bản giao nhận phôi thép giữa Bên A và Bên B (hoặc Bên C).
- Bản chính Biên bản xác định, thống nhất chất lượng lô hàng (hoặc văn bản có ý nghĩa, giá trị pháp lý tương tự) giữa Bên A và Bên B (hoặc Bên C).
- Bản chính Biên bản quyết toán giá trị chính thức lô hàng giữa Bên A và Bên B.
- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ, hợp pháp của hàng hóa thực tế mua bán do Bên A phát hành gửi Bên B.

2.6. Phát hành Hóa đơn GTGT của hàng hóa

2.6.1. Thông tin Bên Mua hàng: Quy định tại phần đầu hợp đồng và/hoặc theo văn bản thông báo của Bên B về các nội dung thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

2.6.2. Phát hành Hóa đơn GTGT tạm tính của hàng hóa:

a) Khối lượng hàng hóa thể hiện trên hóa đơn tạm tính là khối lượng phôi thép các loại đã giao (hoặc đã tạm giao) và Bên B (hoặc Bên C) đã nhận (hoặc đã tạm nhận). Nếu vì lý do khách quan, hai Bên (A & B hoặc C) chưa thể hoàn thành giao nhận lô hàng nhưng Bên B (hoặc Bên C có nhu cầu tạm nhận hàng hóa và gửi lại kho Bên A thì khối lượng hàng hóa được xác định theo khối lượng bình quân các thanh phôi thép. Trong trường hợp này, khối lượng hàng hóa thể hiện trên hóa đơn GTGT tạm tính được hiểu là khối lượng phôi thép tạm tính.

b) Đơn giá mua bán hàng hóa tạm tính: Là đơn giá tạm tính Bên B ký hợp đồng mua bán với Bên C;

c) Thuế suất thuế GTGT: Theo quy định của pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực tế phát sinh giao dịch mua bán (thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa mua bán).

d) Nội dung, thời điểm phát hành hóa đơn GTGT của hàng hóa mua bán: Theo quy định của pháp luật có liên quan.

2.6.3. Phát hành hóa đơn GTGT điều chỉnh hóa đơn GTGT tạm tính đã phát hành:

Sau khi Bên A và Bên B (hoặc Bên C) đã xác định được khối lương phôi thép giao nhận (đã xuất hóa đơn tạm tính) và/hoặc sau khi hai Bên ký Biên bản quyết toán giá trị chính thức của lô hàng hóa mua bán (hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương tự), Bên A sẽ phát hành hóa đơn GTGT điều chỉnh (tăng hoặc giảm) khối lượng, đơn giá, giá trị của hàng hóa, tiền thuế GTGT thể hiện trên hóa đơn GTGT tạm tính đã phát hành.

2.6.4. Hóa đơn GTGT có thể được điều chỉnh nhiều lần nhưng sau khi điều chỉnh lần cuối phải thể hiện đúng, chính xác khối lượng, giá trị hàng hóa thực tế đã mua bán (giao nhận) giữa hai Bên.

2.6.5. Email nhận hóa đơn: Lamtchc@gmail.Com và dungntt.vimico@gmail.com

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của Bên A:

1.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ, quyền sở hữu của hàng hóa bán cho Bên B/Bên C;

1.2. Cung cấp cho Bên B đầy đủ hàng hoá như đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Hợp đồng.

1.3. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B (và/hoặc Bên C) trong quá trình giao nhận hàng hóa. Hướng dẫn, quản lý người đại diện nhận hàng của Bên B hoặc Bên C (bao gồm cả người được Bên B/Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) khi vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của Bên A;

1.4. Chịu trách nhiệm đảm bảo cân điện tử có đủ điều kiện để sử dụng theo quy định của Pháp luật.

1.5. Chịu trách nhiệm đến cùng về chất lượng hàng hoá được giao cho khách hàng của Bên B, chịu trách nhiệm phối hợp với Bên B và các bên để giải quyết trong trường hợp có khiếu nại của khách hàng của Bên B.

1.6. Cập nhật, thông báo kịp thời cho Bên B những thay đổi bất thường về khối lượng và chất lượng hàng hoá được sản xuất.

1.7. Theo đề nghị của Bên B, Bên A có trách nhiệm gửi cho Bên B bản khai báo xuất xứ của Nhà sản xuất/Nhà cung cấp nguyên liệu trong nước theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành theo Thông tư số: 05/2018/TT- BCT ngày 03/04/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa (và/hoặc các quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế của Bộ Công thương ban hành trong quá trình thực hiện hợp đồng - nếu có) .

1.8. Xác nhận khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận, lập Biên bản thống nhất giá trị từng lô hàng/hợp đồng theo những điều khoản quy định trong Hợp đồng này;

1.9. Phối hợp chặt chẽ với Bên B (hoặc Bên C) để giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình giao nhận hàng hóa/thực hiện hợp đồng.

1.10. Phát hành hóa đơn GTGT của hàng hóa theo quy định;

1.11. Định kỳ, không muộn hơn ngày 20 hàng tháng (nếu rơi vào ngày nghỉ thì chuyển sang ngày làm việc liền sau ngày 20) Bên A gửi thông báo cho Bên B về kế hoạch nhu cầu tiêu thụ tháng liền sau (nội dung bao gồm: Khối lượng phôi thép tồn kho dự kiến đến hết tháng, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tiêu thụ,…).

1.12. Định kỳ trước ngày 20 (nếu rơi vào ngày nghỉ thì chuyển sang ngày làm việc liền sau ngày 20) tháng cuối quý, Bên A gửi thông báo cho Bên B về kế hoạch tiêu thụ quý sau (nội dung bao gồm: Khối lượng phôi thép tồn kho dự kiến khi kết thúc tháng cuối quý, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tiêu thụ quý,…).

1.13. Xác định và thông báo giá sàn chào bán phôi thép khi Bên B yêu cầu. Trong trường hợp này Bên A phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về giá sàn do mình xác định và thông báo cho Bên B.

1.14. Trường hợp phát sinh sự kiện phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong hợp đồng mua bán hàng hoá phôi thép giữa Bên B với Bên C do chậm giao hàng, giao hàng thiếu, giao hàng không đảm bảo chất lượng hoặc không giao hàng thì toàn bộ số tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại mà Bên B phải trả cho Bên C (*nếu có*) được tự động chuyển thành nghĩa vụ của Bên A. Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B ngay khi sự kiện phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại phát sinh.

1.15. Thực hiện các trách nhiệm khác đã thỏa thuận trong hợp đồng này và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Bên B:

a) Thông báo cho Bên A biết kế hoạch giao nhận hàng.

b) Thanh toán tiền hàng cho Bên A theo đúng chất lượng, khối lượng đã nhận theo quy định của Hợp đồng. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Hợp đồng.

Điều 7. Ủy quyền và nhận ủy quyền

1. Trong trường hợp Bên B ký hợp đồng mua bán phôi thép thuộc Hợp đồng này với Bên C thì Bên B ủy quyền và CISCO nhận ủy quyền thực hiện:

1.1. Trực tiếp liên hệ và tổ chức giao nhận hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này với Bên C theo quy định của hợp đồng giữa Bên B và Bên C.

1.2. Hướng dẫn, quản lý người đại diện nhận hàng của Bên C bao gồm cả người được Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) khi vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của CISCO (nếu giao hàng tại kho của Bên A); hoặc phối hợp với Bên C hướng dẫn, quản lý người đại diện giao nhận hàng của Bên cung cấp dịch vụ vận chuyển (sau đây gọi/viết tắt là "Bên VT") trong quá trình giao nhận, vận chuyển hàng hóa thuộc hợp đồng này và hợp đồng giữa Bên A & Bên C khi đi trên đường và vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của CISCO và của Bên C.

1.3. Yêu cầu đại diện nhận hàng của Bên C (hoặc Bên VT) tuân thủ đúng các quy định và hướng dẫn của CISCO, của Bên C khi vào khu vực giao nhận hàng; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và mọi rủi ro có liên quan nếu vi phạm quy định gây tai nạn thiệt hại cho chính bản thân mình hoặc người, tài sản của Bên C, của CISCO; nếu vi phạm quy định dẫn đến gây tai nạn thiệt hại cho người, tài sản của Bên C, của CISCO hoặc của Bên thứ 3 khác thì phải bồi thường cho Bên C, CISCO toàn bộ giá trị thiệt hại đó;

1.4. Phối hợp với Bên C, Bên VT để giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình giao nhận hàng hóa và/hoặc thực hiện các nội dung được VIMICO ủy quyền.

1.5. Cân, ghi chép, tổng hợp, đối chiếu, lập, ký hồ sơ giao nhận hàng hóa (Phiếu cân, Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận hàng hóa hàng ngày, Biên bản tổng hợp khối lượng giao nhận từng lô hàng) với Bên C (hoặc với Bên VT);

1.6. Cùng Bên C lấy, gia công, phân chia mẫu và gửi phân tích trọng tài trong trường hợp Bên C có khiếu nại về chất lượng theo quy định của Hợp đồng này và Hợp đồng giữa Bên và Bên C.

1.7. Cùng Bên C đối chiếu, thống nhất, lập, ký xác nhận Biên bản thống số lượng, chất lượng chính thức của lô hàng giao nhận theo các quy định của Hợp đồng này và của hợp đồng giữa Bên B và Bên C;

1.8. Cùng Bên VT nghiệm thu khối lượng, giá trị hàng hóa vận tải theo quy định của hợp đồng giữa Bên B và Bên VT.

1.9. Các nội dung khác (nếu có) theo thông báo của VIMICO gửi CISCO và/hoặc theo thỏa thuận khác (nếu có) thể hiện tại hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc Hợp đồng này ký giữa Bên B và Bên C;

2. Khối lượng, chất lượng hàng hóa thực tế giao nhận được CISCO và Bên C cùng thống nhất, xác nhận sẽ là căn cứ để xác định, thống nhất giá trị hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này giữa VIMICO và CISCO và giữa Bên B & Bên C theo hợp đồng giữa Bên B và Bên C.

3. Khối lượng, chất lượng hàng hóa vận chuyển thực tế giao nhận được CISCO và Bên VT cùng thống nhất, xác nhận sẽ là căn cứ để xác định, thống nhất giá trị chi phí vận chuyển hàng hóa thuộc Hợp đồng này giữa VIMICO và CISCO và giữa Bên B & Bên VT theo hợp đồng giữa Bên B và Bên VT.

4. VIMICO có toàn quyền tự quyết định thay đổi một hoặc toàn bộ nội dung, phạm vi ủy quyền nêu trên nếu thấy cần thiết vào bất kỳ thời điểm nào mà nội dung, phạm vi công việc ủy quyền chưa diễn ra.

Điều 8. Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thoả mãn các quy định tại Khoản 1 Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong toả nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo, Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng, v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại Khoản 5 Điều này.

4. Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 90 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách nhiệm. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại Khoản 5 Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu không giải quyết được thì trong vòng 60 ngày làm việc, kể từ ngày thúc thương lượng, đàm phán không thành, một trong hai Bên đều có quyền đệ đơn đến Tòa án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Toà là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực đối với cả hai Bên. Chi phí giải quyết vụ việc tại Tòa án (bao gồm cả phí thuê Luật sư) do Bên thua kiện chi trả.

Điều 10. Các thỏa thuận khác

1. Không bên nào có quyền sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này khi không có sự đồng ý của Bên kia. Mọi sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được hai Bên đồng ý bằng văn bản.

2. Nếu Bên nào đơn phương thay đổi hoặc vi phạm các điều khoản của Hợp đồng hoặc huỷ bỏ, chấm dứt Hợp đồng mà không có lý do chính đáng và không được sự đồng ý của Bên kia thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại cho Bên kia.

3. Hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 30/6/2031 hoặc được tự động gia hạn đến khi Bên A hoàn trả toàn bộ tiền thanh toán trả trước và tiền chiết khấu cho Bên B – tuỳ theo điều kiện nào đến sau.

4. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản để cùng thực hiện.

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng vào ngày tháng năm ghi tại phần phía trên Hợp đồng này./.

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **TỔNG GIÁM ĐỐC**
Trần Văn Chưởng	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Số: 3236/TTr - VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v chấp thuận/thông qua điều chỉnh Hợp đồng mua bán đồng tấm (đồng Cathode) giữa TKV và VIMICO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường
Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIMICO sửa đổi, bổ sung lần thứ tám ban hành kèm theo Quyết định số: 1380/QĐ - VIMICO ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số: 933/NQ - VIMICO ngày 23/4/2024 ("**NQ 933/2024**") của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP và dự thảo hợp đồng mua bán đồng tấm/đồng cathode (sau đây gọi/viết tắt là "**Dự thảo HĐMB đồng tấm 2025 - 2027**") giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ("TKV/Tập đoàn") và VIMICO kèm theo.

Để phù hợp thực tế sản xuất kinh doanh của TKV, của VIMICO và những thay đổi của các quy định pháp luật có liên quan đến giao dịch mua bán đồng tấm (đồng cathode) giữa TKV & VIMICO; Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông VIMICO xem xét, chấp thuận/thông qua nội dung điều chỉnh dự thảo HĐMB đồng tấm 2025 - 2027:

1. Điều chỉnh nội dung quy định về thanh toán như sau:

1.1. Thanh toán trả trước tiền mua hàng:

- Để hỗ trợ tính thanh khoản và tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMICO, căn cứ đề nghị của VIMICO và tình hình thực tế, khả năng thu xếp tài chính của TKV, TKV có thể xem xét và quyết định thanh toán trả trước tiền mua hàng cho VIMICO số tiền tối đa tương ứng giá trị của 2.200 tấn đồng tấm cộng (+) giá trị đồng tấm tồn kho vào từng thời điểm cụ thể trên cơ sở Hợp đồng mua hàng và đơn giá theo thị trường vào thời điểm.

- Chi phí vốn (đối với giá trị trả trước tiền mua hàng) sẽ được các bên tính toán vào giá quyết toán mua bán Hàng hóa hàng tháng.

- Hồ sơ đề nghị trả trước:

+ Công văn đề nghị trả trước tiền hàng của VIMICO;

+ Báo cáo nhập xuất tồn sản phẩm đồng tấm của VIMICO vào thời điểm đề nghị trả trước cho lượng đồng tấm tồn kho.

1.2. Thanh toán trả sau:

TKV sẽ thanh toán cho VIMICO cho giá trị của Hàng hóa đã được giao trong vòng 20 ngày kể từ ngày TKV nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng sau khi đã bù trừ giá trị trả trước tiền mua hàng (nếu có).

1.3. Xác định và thanh toán chi phí vốn/tài chính, nếu có:

- Không chậm hơn ngày 10 của tháng sau, TKV (Ban KTTC) phối hợp với VIMICO để rà soát, tính toán thống nhất về chi phí vốn/tài chính cho số tiền trả trước của TKV cho VIMICO trong tháng trước đó (nếu có) để làm cơ sở cho VIMICO xuất hoá đơn GTGT giảm trừ doanh thu Hàng hoá tương ứng với số tiền chi phí vốn/tài chính phát sinh của tháng được hai bên xác nhận.

- Số tiền chi phí vốn/tài chính sẽ được TKV trừ vào tiền thanh toán lần đầu tiên của tháng tiếp theo.

2. Hiệu lực thực hiện:

Các nội dung điều chỉnh nêu trên có hiệu lực thực hiện kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông VIMICO thông qua/chấp thuận. Trong quá trình triển khai thực hiện, Đại hội đồng cổ đông VIMICO giao/ủy quyền Hội đồng quản trị VIMICO xem xét/quyết định thông qua/chấp thuận các nội dung điều chỉnh HĐMB đồng tấm giữa TKV & VIMICO đã được thông qua tại Điều 7 NQ 933/2024 (ngoại trừ nội dung quy định về giá mua bán đồng tấm giữa TKV & VIMICO).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như rên;
- Các TV HĐQT;
- Lưu VP, KD.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 3280 BC-VIMICO	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO
V/v bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám được ban hành kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1819/NQ - VIMICO ngày 18/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP như sau:

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông nội dung như sau:

Thực hiện thẩm quyền quy định tại điểm c, Khoản 3, Điều 27 Điều lệ Tổng công ty ngày 20/10/2026, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 1819/NQ - VIMICO ngày 18/11/2026 về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, cụ thể:

- Họ và tên: Lý Xuân Tuyên

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

- Chức vụ được bổ nhiệm: Tổng giám đốc Tổng công ty; là Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

- Thời điểm bổ nhiệm: Kể từ ngày 19/11/2026

- Thời hạn giữ chức vụ: 05 năm kể từ ngày được bổ nhiệm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 18/11/2026 tại đường dẫn: http://vimico.vn

Căn cứ quy định tại điểm c, Khoản 3, Điều 27 Điều lệ Tổng công ty ngày 20/10/2026, việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị và đã hoàn tất đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông được biết nội dung nêu trên. Nội dung này được báo cáo để Đại hội đồng cổ đông biết, không thuộc nội dung phải biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3278 /TB - VIMICO

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc đề cử, ứng cử nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám được ban hành kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Căn cứ Nghị quyết số 2990/NQ-VIMICO ngày 30/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP thông báo tới Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự tham gia bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) cho thời gian còn lại của nhiệm 2025-2030, như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 01 thành viên HĐQT.

- Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT bầu bổ sung: Theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 2025-2030.

- Thời gian và địa điểm thực hiện bầu cử: Thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2).

- Tài liệu hướng dẫn việc đề cử, ứng cử ứng viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT được Hội đồng quản trị Tổng công ty thông báo và đăng tải trên website Tổng công ty (https://vimico.vn/).

- Dự thảo Quy chế bầu cử: Được Hội đồng quản trị Tổng công ty công bố, đăng tải trên website của Tổng công ty và sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2) trước khi tiến hành bỏ phiếu bầu.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

MẪU 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
Về việc đề cử, ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2)

Vào hồi….giờ….ngày….tháng….năm 2026, tại ……, chúng tôi là nhóm cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nắm giữ tổng cộng là …… cổ phần (viết bằng chữ ……), chiếm ….. % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, với thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng cho đến thời điểm hiện tại. Dưới đây là thông tin của từng cổ đông trong nhóm:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CMND/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	KÝ TÊN
1					
2					
3					
4					
	Tổng cộng				

Chúng tôi thống nhất đề cử:

1 .Ông (Bà): …….…… ……..

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu số ……Ngày cấp…….....nơi cấp ……

Địa chỉ thường trú: …… ……...

Trình độ: Học vấn: … …… Chuyên ngành ……....

Hiện đang sở hữu: …… cổ phần (bằng chữ: ……..……)

Tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2) theo Điều lệ Tổng công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội.

2. Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu số ……Ngày cấp…….....nơi cấp ……

Địa chỉ thường trú: …… ……...

Trình độ: Học vấn: … …… Chuyên ngành ……...

Hiện đang sở hữu: ……cổ phần (bằng chữ: ……..……)

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc đề cử, ứng cử tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 để bầu thành viên Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 (lần 2) của Tổng công ty.

……, ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP NHIỆM KỲ 2025-2030 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026 (LẦN 2)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám được ban hành kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Tôi tên là: .....

Số CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu:.....Nơi cấp:.....Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: .....Trình độ chuyên môn, kỹ thuật: .....

Tôi nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết tại Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP liên tục ít nhất sáu (06) tháng cho đến thời điểm hiện tại là: ..... cổ phần.

Đề nghị Ban tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 (lần 2) Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP ghi nhận tôi đã đăng ký tham gia ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 để bầu tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 (lần 2) của Tổng công ty (*có sơ yếu lý lịch, photocopy công chứng CMND và các giấy tờ bằng cấp, chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn kèm theo đơn này*).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Xin trân trọng cảm ơn!

..... *ngày .... tháng ..... năm 2026*

ỨNG CỬ VIÊN

MẪU 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP NHIỆM KỲ 2025-2030 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026 (LẦN 2)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám được ban hành kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Tên cá nhân/tổ chức: .....

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu/ĐKKD số:..... ngày cấp ..... tại .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .... Fax .....

Số cổ phần tổ chức/ cá nhân.....sở hữu liên tục ít nhất sáu (06) tháng tại Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP cho đến thời điểm hiện tại là ..... cổ phần.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2) Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP ghi nhận chúng tôi đã đề cử:

1. Ông/Bà: .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Nơi cấp: ..... Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: ..... Trình độ chuyên môn kỹ thuật: .....

2. Ông/Bà: .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Nơi cấp: ..... Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: ..... Trình độ chuyên môn kỹ thuật: .....

Để bầu vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 (lần 2).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030, người được chúng tôi đề cử xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Xin trân trọng cảm ơn!

..... ngày .... tháng ..... năm 2026

NGƯỜI ĐỀ CỬ

MẪU 04

Ảnh 4x6
(ảnh màu mới nhất có đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các thành viên được đề cử, ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2))

I. VỀ BẢN THÂN:

1. Họ và tên khai sinh: .....
2. Họ và tên thường dùng: .....
3. Bí danh: .....
4. CMND/ Hộ chiếu số: .....Cấp ngày: .....
   tại: .....
5. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
6. Ngày tháng năm sinh: .....
7. Nơi sinh: .....
8. Quốc tịch .....
9. Dân tộc: ..... 10. Tôn giáo: .....
11. Nguyên quán: .....
12. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: .....
13. Địa chỉ thường trú theo CMND: .....
14. Địa chỉ thường trú hiện nay: .....
15. Ngày vào cơ quan Nhà nước (nếu có): .....
16. Ngày vào Đảng (nếu là đảng viên): .....
17. Ngày tham gia các đoàn thể: .....
18. Sở trường công tác: .....
19. Tên của tổ chức đại diện (nếu có): .....
20. Địa chỉ của tổ chức uỷ quyền đại diện: .....
21. Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tại KSV: .....
22. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện tại KSV: .....
23. Trình độ học vấn: .....
24. Trình độ chuyên môn (ghi rõ khoá học): .....
25. Trình độ ngoại ngữ: .....
26. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp từ năm 18 tuổi):

.....
.....
.....
.....

26. Khen thưởng: .....

27. Kỷ luật: .....

28. Chức vụ công tác hiện nay: .....

29. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): .....

II. MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH *(Bố, mẹ, vợ (chồng), anh chị em ruột, con)*

Mối quan hệ	Họ và tên	Tuổi	Nơi công tác	Chức vụ

III. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT:

Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Xác nhận[1]

..... *ngày ..... tháng ..... năm 2026.*

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi Chú:

[1] *Xác nhận của thủ trưởng cơ quan nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân hoặc UBND xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân).*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

Số: 3279 /QC-VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026

QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2025 - 2030

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám được ban hành kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2) được thực hiện với các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng bầu cử:

1. Nguyên tắc bầu cử: Việc bầu cử Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) được thực hiện theo nguyên tắc:

- Bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín;
- Việc bầu cử Thành viên HĐQT Tổng công ty được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020.

2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là tất cả các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu) của một hoặc nhóm cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 20/11/2026 của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì bầu Thành viên HĐQT với nhiệm vụ cụ thể:

- Tổng hợp, lập danh sách những người ứng cử và đề cử vào HĐQT để thông qua tại Đại hội;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về bầu cử Thành viên HĐQT (nếu có).

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn Thành viên HĐQT:

1. Số lượng Thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 01 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm.
3. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;

c) Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức liêm khiết, trung thực và có ý thức chấp hành Pháp luật.

d) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

e) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

Điều 3. Điều kiện ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT:

1. Trước cuộc họp Đại hội, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng viên cho các vị trí Thành viên HĐQT.

2. Việc đề cử Thành viên Hội đồng quản trị:

a) Các Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các Thành viên Hội đồng quản trị.

b) Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 10% đến dưới 20% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.
- Từ 20% đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.
- Từ 50% đến dưới 65% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên.
- Từ 65% trở lên thì được đề cử đủ số ứng cử viên.

c) Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu là Thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 1, Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Cách thức giới thiệu, bầu Thành viên HĐQT

1. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào HĐQT phải được gửi về cho HĐQT đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (lần 2) được tổ chức.

2. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào HĐQT (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Tổng công ty, địa điểm nơi tổ chức Đại hội và đăng trên website Tổng công ty.

3. Việc bầu Thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

3. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Tổng công ty .

5. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

6. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu

bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

7. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng Thành viên HĐQT.

9. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số Thành viên HĐQT thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ Thành viên HĐQT hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

10. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

11. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. Ghi phiếu bầu cử và kiểm phiếu:

1. Cách ghi phiếu bầu cử: Bầu bằng phương pháp ghi số cổ phần cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn. Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi trực tiếp số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên tại cột "Số phiếu biểu quyết". Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông. Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A biểu quyết chọn 05 Thành viên HĐQT trong tổng số 05 ứng viên. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và ủy quyền) 1000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là: (1000 x 5) = 5000 phiếu bầu.

- Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều số phiếu bầu của mình cho 05 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1000 phiếu bầu)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	1000
2	Ứng viên B	1000
3	Ứng viên C	1000
4	Ứng viên D	1000
5	Ứng viên E	1000
	Tổng cộng	5000

- Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết số phiếu bầu của mình cho 01 ứng viên (trường hợp dồn hết cho ứng viên B)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	0
2	Ứng viên B	5000
3	Ứng viên C	0
4	Ứng viên D	0
5	Ứng viên E	0
	Tổng cộng	5000

- Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 05 ứng viên (nhưng không đều nhau)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	1000
2	Ứng viên B	500
3	Ứng viên C	1200
4	Ứng viên D	800
5	Ứng viên E	1500
	Tổng cộng	5000

- Trường hợp 4: Cổ đông Nguyễn Văn A chia phiếu bầu của mình cho vài ứng viên (chia phiếu bầu cho ứng viên C và ứng viên E)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	0
2	Ứng viên B	0
3	Ứng viên C	2000
4	Ứng viên D	0
5	Ứng viên E	3000
	Tổng cộng	5000

- Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông có thể lựa chọn một trong 4 phương thức trên và phương thức khác phù hợp theo quy định để thực hiện bầu.

- Trên mỗi phiếu bầu đều có danh sách các ứng cử viên. Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sẽ lựa chọn các ứng cử viên mà mình tín nhiệm để bầu. Trong trường hợp viết sai Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

2. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:

- Việc kiểm phiếu được Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc và được tiến hành ở phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông và/hoặc Chủ tọa Đại hội;

- Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu;

- Niêm phong toàn bộ các Phiếu bầu cử, bàn giao lại cho Ban kiểm soát Tổng công ty ngay sau khi Đại hội bế mạc.

3. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu. Trưởng Ban bầu cử đọc Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội.

- Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban bầu cử làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 6. Khiếu nại về bầu cử và kiểm phiếu:

1. Mọi cổ đông dự họp Đại hội đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề liên quan đến việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị.

Mọi khiếu nại và bầu kết quả bổ sung đều phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

2. Mọi khiếu nại về bầu cử, kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi váo Biên bản cuộc họp Đại hội.

Điều 8. Hiệu lực quy chế:

Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông tham dự Đại hội cổ đồng bất thường năm 2026 (lần 2) và Ban tổ chức Đại hội kể từ thời điểm Đại hội thông qua.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- BGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Tổng công ty;
- Website Tổng công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Số: 3281 /TTr-VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23. tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2025 - 2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 2199/QĐ-TKV ngày 18/11/2026 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cử Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 3238/NQ-VIMICO ngày 18/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2025 - 2030, cụ thể như sau:

- Họ và tên: Lý Xuân Tuyên.
- Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
- Là Người đại diện của TKV được cử tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP theo Quyết định số 2199/QĐ-TKV ngày 18/11/2026 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

(Thông tin nhân sự và hồ sơ ứng viên kèm Tờ trình này)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc bầu ông Lý Xuân Tuyên làm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Kiểm soát TCT;
- Lưu VP, TCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. VỀ BẢN THÂN:

1/ Họ và tên: Lý Xuân Tuyên

2/ Giới tính: Nam

3/ Sinh ngày: 18/02/1980

4/ Nơi sinh: Xã Cẩm Nhân - tỉnh Lào Cai

5/ Số CMND: 015080001078 Ngày cấp: 24/4/2021 Nơi cấp: Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Tày

8/ Địa chỉ thường trú: CH A2605 Imperia Garden, 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

9/ Số điện thoại:

10/ Địa chỉ email:

11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Tổng giám đốc Tổng công ty

12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Kim loại mầu Thái Nguyên;
- Chủ tich HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

13/ Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2004 – 9/2005	Xí nghiệp liên doanh đồng Lào Cai	CB phân xưởng Tuyển khoáng
10/2005 – 4/2006	Xí nghiệp Mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	CBKT Phân xưởng Tuyển khoáng
5/2006 – 7/2006	Xí nghiệp Mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Đốc công Phân xưởng Tuyển khoáng
8/2006 – 9/2007	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Đốc công Phân xưởng Tuyển khoáng, kiêm Bí thư liên chi đoàn

10/2007 – 7/2008	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Phó quản đốc Phân xưởng Tuyển khoáng
8/2008 – 6/2009	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Phó quản đốc – Phụ trách Phân xưởng Tuyển khoáng
7/2009 – 5/2010	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Phó quản đốc Phân xưởng Tuyển khoáng; Kiêm Phó chủ tịch công đoàn Công ty
6/2010 – 01/2011	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Phó giám đốc Công ty Kiêm Phó chủ tịch công đoàn Công ty
02/2011 – 7/2013	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Phó giám đốc Công ty Kiêm Chủ tịch công đoàn Công ty
8/2013 – 10/2015	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc công ty
10/2015 – 11/2019	Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Chi nhánh
11/2019- 10/2026	Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Phó Tổng giám đốc Chức vụ kiêm nhiệm: CT HĐQT CTCP KLM Thái Nguyên CT HĐQT CTCP Gang thép Cao Bằng
11/2026 - nay	Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV

II. MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH *(Bố, mẹ, vợ (chồng), anh chị em ruột, con)*

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị-xã hội ...
Bố	Lý Xuân Cương	1946	Quê quán, nơi ở: thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Làm ruộng tại Lào Cai.
Mẹ	Nguyễn Thị Cạy	1946	Quê quán, nơi ở: thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Làm ruộng tại Lào Cai.

Vợ	Nguyễn Thu Hà	1983	Quê quán: Lào Cai; Nhân viên VP Tổng công ty Khoáng sản. Căn hộ A2605 Chung cư Imperia Garden, 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, TP Hà Nội.
Con	Lý Mai Linh	2006	SV trường ĐH kinh tế quốc dân HN, ở cùng bố mẹ tại Hà Nội.
Con	Lý Bảo Châu	2011	Học sinh, ở cùng bố mẹ tại Hà Nội.
Con	Lý Minh Châu	2017	Học sinh, ở cùng bố mẹ tại Hà Nội.
Anh trai	Lý Xuân Hùng	1966	thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Làm ruộng tại Lào Cai
Chị gái	Lý Thị Hương	1970	thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Làm ruộng tại Lào Cai
Chị gái	Lý Thị Xuyến	1973	thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Làm ruộng tại Lào Cai
Anh trai	Lý Xuân Tuyến	1975	thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Kỹ sư nông nghiệp, nghỉ chế độ tại Lào Cai
Anh trai	Lý xuân Tuyển	1977	thôn Phạ, xã Cảm Nhân, tỉnh Lào Cai; Cử nhân kinh tế nông nghiệp, làm Phó chủ tịch MTTQ, Chủ tịch Hội Nông dân xã Cảm Nhân
Em gái	Lý Thị Truyền	1982	Thôn Vàng, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai; Giáo viên tại Trường Mầm non Sơn Ca, xã Tằng Loỏng, tỉnh Lào Cai

III. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT:

Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

NGƯỜI KHAI

Lý Xuân Tuyên

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3242 /TTr - VIMICO

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v thông qua/chấp thuận hợp đồng mua bán phôi thép giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP và Công ty CP Gang thép Cao Bằng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tám ban hành kèm theo Quyết định số: 1380/QĐ - VIMICO ngày 20/10/2026 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Thực hiện Nghị quyết số 669/NQ-VIMICO ngày 25/3/2020 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (VIMICO) và Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (CISCO) đã ký kết hợp đồng hằng năm để tiêu thụ phôi thép do CISCO sản xuất. Để tiếp tục ổn định, phát triển sản xuất trong thời gian tới, chủ động cân đối nguồn nguyên liệu và có cơ sở triển khai các phương án đầu tư, chế biến sâu trong dài hạn; VIMICO cần có hợp đồng mua bán phôi thép dài hạn với CISCO với các nội dung chủ yếu sau:

1. Hàng hóa mua bán: Phôi thép các loại (bao gồm cả gang lỏng, thép nóng nếu bên mua có nhu cầu) do CISCO sản xuất, cung cấp.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: tối thiểu là 04 năm (dự kiến từ năm 2027) và được tự động gia hạn cho đến khi CISCO hoàn trả hết dư nợ phải trả VIMICO theo tạm ứng hợp đồng.

3. Khối lượng mua bán tạm tính **820.000 tấn**; khối lượng thực tế mua bán: Toàn bộ phôi thép (bao gồm cả gang lỏng, thép nóng nếu bên mua có nhu cầu) do CISCO sản xuất, cung cấp trong thời gian hợp đồng mua bán có hiệu lực.

4. Đơn giá mua bán tạm tính (chưa gồm thuế GTGT) **13.500.000 đồng/tấn.**

5. Giá trị hợp đồng tạm tính (bao gồm cả thuế GTGT và các khoản thuế, phí, lệ phí - nếu có): **12.177.000.000.000 đồng**.

6. Tạm ứng hợp đồng (thanh toán trả trước tiền mua hàng): Tối đa bằng 20% giá trị hợp đồng tạm tính nêu trên. Số tiền tạm ứng từng kỳ, tuỳ thuộc nhu cầu vốn của CISCO và phù hợp khả năng tài chính của VIMICO;

7 .Tỷ lệ chiết khấu tạm ứng tiền hàng được tính tương đương với lãi suất VIMICO huy động vay ngắn hạn tại BIDV - Sở giao dịch 3 (hoặc VIMICO huy động vay ngắn tại một ngân hàng khác được hai bên thống nhất nếu VIMICO không huy động vay ngắn hạn tại BIDV) theo từng thời kỳ tương ứng với kỳ tính tiền chiết khấu.

Do Hợp đồng có giá trị lớn, thuộc thẩm quyền phê duyệt/thông qua của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua/chấp thuận:

1. Hợp đồng mua bán phôi thép dài hạn giữa VIMICO và CISCO bao gồm các nội dung chủ yếu như trên. *(Có Dự thảo chi tiết Hợp đồng kèm theo).*

2. Giao Tổng giám đốc VIMICO tổ chức đàm phán hoàn thiện, ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá phôi thép với CISCO và tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền HĐQT VIMICO xem xét, quyết định điều chỉnh các nội dung liên quan cho phù hợp thực tế sản xuất kinh doanh và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ đại hội gần nhất.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét, thông qua để có cơ sở triển khai thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như rên;
- Các TV HĐQT VIMICO;
- BKS VIMICO;
- Lưu VT, TCKT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA PHÔI THÉP
Số: /VIMICO - CISCO/20....

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số: /NQ - VIMICO ngày / /20… của Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường năm 20… - Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ - ĐHĐCĐ ngày / /20… của Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường năm 20… - Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ khả năng và nhu cầu của các Bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 20…., tại trụ sở ……., chúng tôi gồm:

BÊN BÁN : CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
(Sau đây gọi/viết tắt là "**Bên A** hoặc **CISCO**")

Địa chỉ : Số 052, tổ dân phố Phố Thầu, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Điện thoại : 0206.3953.369

Mã số thuế : 4800162247

- Tài khoản số : 33000.17892, tại BIDV, Chi nhánh Cao Bằng.
- Tài khoản số : 35256660666666, tại MB Bank, Chi nhánh Hoàn Kiếm
- Tài khoản số : 39476789, tại VP Bank.

Người đại diện: Ông **Trần Văn Chưởng** ; Chức vụ: Giám đốc.

BÊN MUA : TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP
Sau đây gọi/viết tắt là "**Bên B** hoặc **VIMICO**")

Địa chỉ : Tầng 29 & 30 toà nhà VinacominTower, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 024.6287.6666

Mã số thuế : 0100103087

- Tài khoản số : 112000054351, tại Vietinbank - Chi nhánh Hai Bà Trưng
- Tài khoản số : 1600073585, tại BIDV - Chi nhánh Sở giao dịch 3
- Tài khoản số : 0021000243133, tại Vietcombank - Chi nhánh Hà Nội
- Tài khoản số : 0571104010005, tại MB Bank - Chi nhánh Hoàn Kiếm
- Tài khoản số : 170114851000017, tại EximBank - Chi nhánh Long Biên, Hà Nội.
- Tài khoản số : 4522666888, tại VP Bank

Người đại diện : Ông …….. ; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Hai Bên thoả thuận ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là phôi thép (sau đây gọi/viết tắt là "**Hợp đồng**") với các điều kiện và điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Hàng hóa mua bán

1. Tên hàng hóa: Phôi thép các loại (bao gồm cả nước Gang lỏng - nếu có).

2. Xuất xứ: Phôi thép các loại được CISCO sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, địa chỉ: Km7, QL34, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

3. Chi tiết quy cách và chất lượng hàng hóa

3.1 Quy cách hàng hóa

- Dạng thanh hình khối chữ nhật, mặt cắt ngang hình vuông, hàng để rời từng

thanh.

- Kích thước các cạnh mặt cắt ngang: 150 mm x 150 mm. Dung sai: +/- 5 mm
- Chiều dài: ≤ 6.330 mm (cụ thể theo đặt hàng của Bên Mua). Dung sai: +/- 100 mm
- Sai khác đường chéo: Tối đa 10 mm.
- Bán kính góc lượn hoặc vát góc: R ≤ 15 mm.
- Tổng độ cong: Tối đa 10 mm/mét.
- Độ xoắn: Tối đa 01 độ/mét.
- Điều kiện bề mặt: Không cong vênh, vết nứt, vết gấp, không bị rỗ với lỗ khí quá 2mm. Hai đầu phôi không bị co. Bề mặt sạch, không bám vảy sắt.
- Đánh dấu, ghi mã số: Theo quy định của nhà sản xuất. Bên A ghi rõ số lô, số mẻ luyện trên từng thanh phôi thép để tạo thuận lợi cho Bên Mua khi kiểm tra chất lượng lô hàng.
- Quy cách hàng hóa thực tế có thể có thay đổi so với quy cách hàng hóa công bố trong Hợp đồng mua bán (nếu có).

3.2. Chất lượng hàng hóa:

- Theo tiêu chuẩn cơ sở các mác thép cho hoạt động sản xuất kinh doanh của CISCO Quyết định số 1033/QĐ-CISCO ngày 14/8/2024 và/hoặc các TCCS khác do CISCO ban hành trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có)..
- Các chủng loại hàng hóa có quy cách, chất lượng khác ngoài TCCS CISCO ban hành (nếu có): Theo văn bản đề nghị của VIMICO và phù hợp khả năng sản xuất, cung cấp của CISCO; văn bản này là một phần không tách rời của Hợp đồng.
- Theo đơn đặt hàng của Bên B và được Bên A chấp nhận, trên cơ sở các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Hoa Kỳ, Đức, Ý, Pháp, Anh, EU hoặc các tiêu chuẩn đang áp dụng khác cho từng mác thép cụ thể; tối thiểu 01 tháng trước ngày giao hàng sớm nhất và được quy định cụ thể theo từng Phụ lục hợp đồng.

4. Khối lượng mua bán:

4.1. Khối lượng mua bán tạm tính: **820.000 tấn**.

4.2. Khối lượng mua bán (thực hiện): Theo thực tế sản xuất, nhu cầu tiêu thụ của CISCO và phù hợp nhu cầu thị trường. Khối lượng mua bán cụ thể hàng tháng, hàng quý, hàng năm sẽ được thực hiện theo hợp đồng mua bán giữa Bên B và Khách hàng mua lại phôi thép các loại (thuộc Hợp đồng này) từ Bên B (sau đây gọi/viết tắt là "**Bên C**") hoặc theo hợp đồng mua bán giữa hai Bên phục vụ chế biến sâu (cán thép hình) của Bên B.

Điều 2. Giá cả mua bán hàng hóa và Giá trị hợp đồng

1. Đơn giá mua bán tại thời điểm hai Bên (A&B) ký kết hợp đồng:

Đơn giá mua bán tạm tính (chưa bao gồm thuế GTGT nhưng đã bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí khác nếu có) khi hai Bên (A&B) ký kết hợp đồng là: **13.500.000 đồng/tấn** phôi thép đảm bảo yêu cầu quy cách, chất lượng nêu tại Điều 1 Hợp đồng.

2. Giá trị hợp đồng tạm tính (đã bao gồm 10% thuế GTGT và các khoản thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam - nếu có) là **12.177.000.000.000 đồng** ***(Bằng chữ: Mười hai nghìn, một trăm bảy mươi bảy tỷ đồng).***

3. Đơn giá mua bán chính thức:

3.1. Giá mua bán: Giá mua bán hàng hóa thuộc Hợp đồng được tính theo giá cả thị trường tại từng thời điểm thực tế phát sinh giao dịch mua bán - (trừ) chi phí vốn/tài chính/thương mại (chi phí tổ chức/tham gia đấu giá, chào giá, thỏa thuận giá - nếu có) liên quan đến hợp đồng này. Chi phí vốn/tài chính/thương mại (nếu có) được giảm trừ

vào giá mua bán các lô hàng giao nhận từng tháng hoặc từng quý hoặc khi kết thúc năm tài chính hoặc khi quyết toán hợp đồng hoặc Bên A thanh toán hoàn trả Bên B theo hình thức/phương thức khác phù hợp được hai Bên thông nhất.

3.2. Giá cả thị trường được xác định theo các hình thức sau:

3.2.1. Đơn giá mua bán phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này là đơn giá Bên B bán phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này cho Bên C (được xác định trên cơ sở kết quả Bên B tổ chức đấu giá, chào giá, thỏa thuận giá (áp giá)… bán phôi thép các loại theo quy chế tiêu thụ do HĐQT VIMICO ban hành (bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, thay thế sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng này - nếu có).

3.2.2. Đơn giá mua bán phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này là đơn giá Bên B bán phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này cho Bên C (được xác định trên cơ sở kết quả Bên B tham gia đấu giá, chào giá, thỏa thuận giá,… do Bên C tổ chức. Trong trường hợp này, trên cơ sở các yêu cầu về điều kiện tài chính, thương mại Bên C đưa ra, Bên B sẽ trao đổi, thống nhất với Bên A trước khi tham gia đấu giá, chào giá, thỏa thuận giá.

3.2.3. Đơn giá mua bán phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này là đơn giá Bên B mua phôi thép các loại thuộc Hợp đồng này để chế biến sâu (cán thép hình), được xác định theo hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá phôi thép và/hoặc hợp đồng mua bán hàng hoá phôi thép hàng năm phục vụ chế biến sâu giữa Bên A và Bên B.

4. Giá trị hợp đồng chính thức của Hợp đồng được xác định cụ thể theo khối lượng giao nhận, đơn giá chính thức và chất lượng thực tế của các lô hàng giao nhận thuộc Hợp đồng này và hợp đồng giữa Bên B và Bên C hoặc giữa hai Bên trong trường hợp phục vụ chế biến sâu của Bên B.

Điều 3. Giao nhận hàng hóa mua bán

1. Bên nhận hàng: Là Bên B hoặc là Bên C tại từng lần Bên B tổ chức bán hàng thành công và được thể hiện tại hợp đồng mua bán giữa Bên B và Bên C; trong trường hợp này, hợp đồng được ký kết giữa Bên B và Bên C gửi cho Bên A được coi như là Phụ lục của Hợp đồng này (ngoại trừ những nội dung, điều khoản xung đột lợi ích với nội dung, điều khoản quy định tại Hợp đồng này) ràng buộc hai Bên phải có nghĩa vụ, trách nhiệm cùng thực hiện.

2. Phương thức, địa điểm giao nhận hàng hóa:

2.1. Hàng hoá được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên B (hoặc của Bên C - do Bên B chỉ định) tại kho của Bên A (địa chỉ: khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km 7, Quốc lộ 34, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng). Chi phí bốc xếp, rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hóa được chuyển từ Bên A sang Bên B (hoặc Bên C) kể từ thời điểm hàng hóa được giao lên phương tiện vận chuyển của Bên B (hoặc của Bên C - do Bên B chỉ định) theo quy định của Hợp đồng này.

2.2. Giao nhận hàng hóa tại địa điểm khác: Trường hợp Bên C yêu cầu giao hàng tại địa điểm, phương thức khác và đã được Bên A thống nhất trước khi Bên B ký kết hợp đồng với Bên C thì phương thức, địa điểm giao nhận sẽ theo hợp đồng giữa Bên B và Bên C. Trong trường hợp này, địa điểm chuyển giao chi phí, chuyển giao rủi ro về mất mát, hư hại hàng hóa được chuyển từ Bên A sang Bên B (hoặc Bên C) kể từ thời điểm hàng hóa dỡ khỏi phương tiện vận của Bên A (và/hoặc của Bên cung cấp dịch vụ vận tải) tại địa điểm giao nhận hàng đã được Bên B và Bên C thỏa thuận tại hợp đồng ký kết giữa Bên B và Bên C. Bên A có trách nhiệm tổ chức, bố trí nhân lực, phương tiện nâng hạ, bốc xếp, vận chuyển, áp tải, bảo vệ, bảo hiểm hàng hóa (nếu có) và trả chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng đến giao cho Bên C đảm bảo việc giao nhận hàng hóa diễn ra thuận lợi, đáp ứng kịp thời yêu cầu của Bên C theo hợp đồng ký kết giữa Bên B và Bên

C. Khối lượng hàng hóa mua bán trong trường hợp này là khối lượng cân xác định tại địa điểm giao nhận; giá cả mua bán hàng hóa trong trường hợp này là giá mua bán đã bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến bốc xếp, vận chuyển, bảo hiểm, áp tải, bảo vệ... hàng hóa đến địa điểm giao nhận giao cho Bên C.

2.3. Vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao nhận quy định tại Khoản 2.2 Điều này:

a) Bên B hỗ trợ Bên A tổ chức lựa chọn, ký kết hợp đồng (hoặc có thể ủy quyền Bên A ký kết hợp đồng) vận chuyển hàng hóa từ kho của Bên A đến địa điểm giao nhận hàng theo chỉ định của Bên C và thanh toán chi phí vận chuyển hàng hóa cho nhà cung cấp dịch vụ vận tải (sau đây gọi/viết tắt là "**Bên vận tải /Bên D/Bên VT**").

b) CISCO chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo hiểm, bảo quản, bảo vệ hàng hóa vận chuyển và tự chịu mọi rủi ro, tổn thất, chi phí phát sinh (nếu có) kể từ thời điểm Bên vận tải tiếp nhận hàng hóa vận chuyển từ Bên A tại địa điểm giao nhận hàng hóa vận chuyển đến khi hoàn thành giao nhận hàng hóa cho Bên C; đồng thời phải thanh toán hoàn trả VIMICO chi phí vận chuyển hàng hóa VIMICO phải trả cho Bên vận tải quy định tại Tiết c) và d) Điểm 2.3 Khoản này.

c) Đơn giá vận chuyển hàng hóa tạm tính (chưa bao gồm thuế GTGT) là: **600.000 đồng/tấn phôi thép**.

d) Đơn giá vận chuyển hàng hóa chính thức:

Theo hợp đồng được ký kết giữa VIMICO và Bên vận tải. Bên vận tải được VIMICO lựa chọn theo hình thức đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, ký hợp đồng trực tiếp v.v..., tuân thủ Quy định về Lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc dự án đầu tư trong Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP ban hành kèm theo Quyết định số: 243/QĐ - VIMICO ngày 14/03/2024 (bao gồm cả các Quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế - nếu có). Đơn giá vận chuyển sẽ được VIMICO và Bên vận tải xác định, quyết toán theo từng tháng hoặc từng lô hàng tùy theo tình hình thực tế thực hiện.

e) Phát hành hóa đơn GTGT dịch vụ vận chuyển hàng hóa:

Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hóa đơn GTGT dịch vụ vận chuyển hàng hóa do Bên vận tải phát hành; Bên B sẽ phát hành, gửi Bên A hóa đơn GTGT của dịch vụ vận tải hàng hóa;

3. Tiến độ cung cấp và kế hoạch giao nhận hàng hóa:

3.1. Tiến độ cung cấp: Khối lượng hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này được Bên A cung cấp cho Bên B trong 4 năm, dự kiến từ năm 2027 đến năm 2030. Tiến độ cung cấp cụ thể hàng tháng, hàng quý, hàng năm sẽ thực hiện theo hợp đồng giữa Bên B và Bên C và/hoặc giữa hai Bên.

Trường hợp vì những lý do khách quan mà Bên A không thể giao hàng và/hoặc Bên B (hoặc Bên C - do Bên B chỉ định) không thể hoàn thành nhận hàng theo tiến độ đã thỏa thuận thì Bên B sẽ thỏa thuận với Bên C điều chỉnh thời gian giao nhận hàng cho phù hợp; thỏa thuận này sẽ đồng thời là thỏa thuận giữa Bên A và Bên B.

3.2. Đợt giao nhận hàng: Hàng hoá sẽ được hai Bên giao nhận thành nhiều lần/nhiều lô/nhiều đợt, đảm bảo khối lượng hàng hoá phù hợp với quy định tại Điều 1 Hợp đồng. Khối lượng giao nhận mỗi lô hàng không dưới 1.000 +/- 5% tấn (hoặc theo khối lượng hàng mua bán giữa Bên B và Bên C, nếu số lượng mua bán dưới 1.000 tấn).

3.3. Thời gian giao nhận hàng ngày: Từ 07 giờ 00 phút đến 22 giờ 30 phút hàng ngày (ngoại trừ ngày nghỉ lễ, tết). Trường hợp Bên B (và/hoặc Bên C - do Bên B chỉ định) có nhu cầu giao nhận hàng hóa ngoài thời gian nêu trên thì phải trao đổi trước với đại diện giao hàng của Bên A trước thời gian dự kiến nhận hàng ít nhất 14 giờ để Bên

B bố trí nhân lực, phương tiện bốc xếp (nếu có khả năng đáp ứng).

4. Kế hoạch giao nhận hàng hóa: Trước khi giao hàng ít nhất 01 (một) ngày, Bên B thông báo cho Bên A về đơn vị nhận hàng (Bên C), số lượng hàng hóa sẽ giao nhận bằng Thông báo giao hàng gửi cho Bên A.

5. Xác nhận khối lượng: Khối lượng hàng hóa mua bán (giao nhận) được xác định theo thực tế cân xác định qua cân điện tử phù hợp tại địa điểm giao nhận. Bên B (hoặc Bên C) có trách nhiệm cử cán bộ của mình đến địa điểm giao nhận hàng để phối hợp với Bên A theo dõi, thống kê và lập Biên bản giao nhận hàng hóa.

Điều 4. Giám định, xác định chất lượng và bảo hành hàng hóa

1. Giấy chứng nhận chất lượng:

Bên A cung cấp cho Bên B (hoặc Bên C) toàn bộ các giấy chứng nhận chất lượng (*Mill test*) của Nhà máy sản xuất cho từng lô hàng ngay sau khi hoàn thành giao nhận lô hàng đó. Trường hợp đơn đặt hàng của Bên B có yêu cầu về giám định chất lượng bổ sung bởi một trong các cơ quan giám định độc lập đang hoạt động tại Việt Nam phải do Bên A thực hiện trước khi giao hàng thì chi phí cho công tác giám định này do Bên A chịu.

2. Giám định lại và Quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng:

2.1. Giám định lại:

Bên B (hoặc Bên C) có quyền tự giám định lại hoặc yêu cầu một tổ chức giám định độc lập đang hoạt động tại Việt Nam giám định lại chất lượng hàng hóa tại địa điểm nhận hàng hoặc tại kho bãi của mình, theo quy trình lấy mẫu và giám định của họ. Bên B (hoặc Bên C) chịu mọi chi phí liên quan tới công tác giám định lại này.

2.2. Quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng:

Nếu có sai khác về chất lượng thì Bên B (hoặc Bên C) phải gửi văn bản khiếu nại chất lượng cho Bên A kèm theo chứng thư/báo cáo giám định lại của tổ chức giám định độc lập (hoặc kết quả tự giám định lại) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hai bên hoàn thành giao nhận lô hàng. Quá thời hạn trên mà Bên B không có văn bản khiếu nại thì coi như Bên B công nhận chất lượng hàng hóa phù hợp với giấy chứng nhận chất lượng (*Mill test*) của Nhà máy sản xuất của Bên A và/hoặc chứng thư/báo cáo giám định của tổ chức giám định độc lập do Bên A mời (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 4.

2.3. Bên A có nghĩa vụ giải quyết khiếu nại chất lượng của Bên B trong vòng 05 (năm) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày Bên A nhận được văn bản khiếu nại của Bên B (hoặc Bên C). Quá thời hạn giải quyết nói trên mà Bên A không xác minh khiếu nại của Bên B thì coi như Bên A đồng ý với khiếu nại của Bên B (hoặc Bên C).

Trường hợp Bên A không đồng ý với khiếu nại chất lượng của Bên B (hoặc Bên C) thì Bên A phải ra văn bản thông báo không chấp nhận khiếu nại của Bên B (hoặc Bên C). Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày có văn bản thông báo của Bên A hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C) thống nhất một trong số các cơ quan giám định theo quy định tại Khoản 3 Điều này Hợp đồng để tiến hành lấy mẫu và giám định theo thời gian do cơ quan này chỉ định và theo quy trình của họ, dưới sự chứng kiến và giám sát của hai bên. Kết quả giám định của cơ quan giám định đã lựa chọn là bắt buộc đối với các bên.

Trên cơ sở kết quả giám định chất lượng của cơ quan giám định được hai Bên nhất trí lựa chọn này, nếu chứng thư/báo cáo giám định chứng minh có lỗi về hàng hóa thì Bên A phải thanh toán các chi phí giám định liên quan. Ngược lại, nếu chứng thư/báo cáo giám định chứng minh là hàng hóa phù hợp thì các chi phí giám định liên quan do

Bên B tự chịu.

3. Cơ quan giám định:

Cơ quan giám định độc lập được hai Bên nhất trí lựa chọn làm cơ quan giám định chính thức đối với chất lượng hàng hóa (nếu có trong trường hợp xảy ra tranh chấp chất lượng hàng hóa) là một trong các đơn vị sau:

- Trung tâm thử nghiệm - kiểm định công nghiệp thuộc Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin (TVCI) - Địa chỉ: Số 565, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội;

- Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội (Vinacontrol) - Địa chỉ: Số 96, Yết Kiêu, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội;

- Tổng cục đo lường chất lượng – Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 (Quatest 1) - Địa chỉ: Số 08, Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội;

- Công ty TNHH SGS Việt Nam - Địa chỉ: Số 198, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi là SGS Việt Nam) [– Áp dụng đối với phôi thép CT5πC tiêu thụ nội bộ TKV cho VMC trong trường hợp có tranh chấp và/hoặc trong trường hợp Bên B mua phôi thép để chế biến sâu thành thép hình.]

4. Bên B (hoặc Bên C) có quyền trả lại Bên A toàn bộ số phôi thép không đạt chất lượng (nếu có). Bên A có trách nhiệm nhận lại số lượng phôi thép không đạt chất lượng này (nhận hàng trên phương tiện của Bên A tại kho Bên B hoặc tại kho của người nhận hàng theo chỉ định của Bên B).

5. Bảo hành hàng hóa: Trong quá trình cán kéo sản phẩm tại nhà máy sản xuất của Bên B (hoặc của Bên C), nếu có hiện tượng vỡ, gãy thanh phôi thì Bên B (hoặc Bên C) có trách nhiệm dừng ngay việc sử dụng hàng hóa, giữ nguyên trạng hàng hóa vào thời điểm đó và ngay lập tức thông báo cho Bên A được biết để phối hợp xử lý. Hai bên chủ động gặp nhau vào thời gian thích hợp tại nhà máy sản xuất của Bên B (hoặc Bên C) để bàn bạc, thảo luận và thực hiện các giải pháp xử lý vấn đề phát sinh trên tinh thần giảm thiểu tối đa các tổn thất phát sinh cho mỗi Bên (nếu có).

6. Các văn bản liên quan tới quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng được chấp nhận dưới dạng bản fax hay e-mail, zalo để kịp thời giải quyết, nhưng bản chính phải được gửi cho Bên kia ngay khi có thể.

Điều 5. Tạm ứng và Thanh toán

1. Thanh toán trả trước tiền mua hàng:

1.1. Thanh toán trả trước (trong Hợp đồng này và các văn bản có liên quan đến Hợp đồng này được gọi tắt/viết tắt là "**Tạm ứng**") được hiểu là Bên B thanh toán tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng này cho Bên A trước thời điểm Bên A chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này cho Bên B (hoặc Bên C - theo chỉ định của Bên B). Thời điểm Bên A chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này cho Bên B (hoặc Bên C) được hiểu là thời điểm Bên A hoàn thành việc giao nhận hàng hóa thể hiện bằng Biên bản giao nhận hàng hóa được đại diện Bên A và Bên B (hoặc Bên C - theo chỉ định của Bên B) ký kết và Bên A đã phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa gửi Bên B.

1.2. Giá trị thanh toán trả trước: Bên B sẽ tạm ứng cho Bên A một khoản tiền tối đa không quá **20%** giá trị hợp đồng tạm tính quy định tại Khoản 2 Điều 2 Hợp đồng.

1.3. Tiến độ, giá trị mỗi lần tạm ứng sẽ được hai Bên xem xét, thống nhất thực hiện theo đề nghị của Bên A và phù hợp khả năng tài chính của Bên B.

1.4. Chiết khấu thanh toán trả trước (chi phí vốn/tài chính):

1.4.1. Chiết khấu thanh toán được hiểu là khoản tiền tính bằng VNĐ/VND Bên A

giảm trừ cho Bên B khi Bên B thanh toán trả trước tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng này cho Bên A (sau đây được gọi tắt/viết tắt là "**tiền chiết khấu**").

1.4.2. Tiền chiết khấu (T_{CK}) được xác định như sau:

T_{CK} = Số tiền thực tế Bên B thanh toán trả trước × (nhân) Tỷ lệ chiết khấu (%/năm) × (nhân) Số ngày thanh toán trả trước : (chia) 365

Trong đó:

- Số tiền thực tế Bên B thanh toán trả trước được xác định theo thực tế Bên B chuyển cho Bên A (bao gồm cả số tiền Bên A còn nợ Bên B được hai Bên thống nhất chuyển thành tiền thanh toán trả trước - nếu có).

- Tỷ lệ chiết khấu:

Được tính tương đương với lãi suất Bên B huy động vay ngắn hạn tại BIDV - Sở giao dịch 3 (hoặc Bên B huy động vay ngắn tại một ngân hàng khác được hai Bên thống nhất nếu Bên B không huy động vay ngắn hạn tại BIDV) theo từng thời kỳ tương ứng với kỳ tính tiền chiết khấu.

- Số ngày thanh toán trả trước:

Được tính từ ngày Bên B chuyển tiền thanh toán trả trước cho Bên A (hoặc ngày hai Bên thống nhất chuyển nợ thành tiền thanh toán trả trước - nếu có) đến ngày Bên B khấu trừ tiền thanh toán trả trước theo quy định của Hợp đồng.

1.4.3. Giá trị chiết khấu hàng tháng/kỳ thanh toán được hai Bên xác định cụ thể tại **Biên bản thống nhất giá trị chiết khấu tiền hàng** theo quy định của Hợp đồng này.

1.4.4. Tổng số tiền chiết khấu thuộc Hợp đồng này sẽ được hai Bên quyết toán khi kết thúc năm tài chính và/hoặc khi quyết toán Hợp đồng.

1.4.5. Chứng từ ghi nhận việc thanh toán tiền chiết khấu giữa hai Bên được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

1.5. Số tiền thanh toán trả trước sẽ được giảm trừ dần khi Bên A xuất trình Hồ sơ thanh toán lô hàng phù hợp với quy định tại điểm 2.5 khoản 2 Điều này cho Bên B. Bên B có toàn quyền quyết định số tiền sẽ thanh toán cho Bên A và số tiền được giữ lại để giảm trừ số tiền thanh toán đã trả trước cho Bên A từ số tiền đề nghị thanh toán trong Hồ sơ thanh toán lô hàng của Bên A.

1.6. Số dư thanh toán trả trước tại thời điểm kết thúc thời gian giao nhận hàng hoá theo tiến độ cung cấp hàng hoá quy định tại Khoản 3 Điều 3 Hợp đồng này được xử lý theo một trong các phương thức sau:

1.6.1. Tự động chuyển thành số dư tạm ứng đầu kỳ của hợp đồng mua bán hàng hoá phôi thép giai đoạn kế tiếp (*nếu có*) giữa hai Bên.

1.6.2. Hợp đồng này tự động gia hạn hiệu lực đến khi Bên A hoàn trả toàn bộ tiền thanh toán trả trước và tiền chiết khấu cho Bên B, nếu không có hợp đồng mua bán hàng hoá phôi thép giai đoạn kế tiếp giữa hai Bên.

2. Thanh toán trả sau tiền mua hàng:

2.1. Thanh toán trả sau được hiểu là việc Bên B trả tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng cho Bên A sau khi hai Bên đã hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa (đã hoàn thành giao nhận hàng hóa) Bên B đã nhận được Hóa đơn Giá trị gia tăng tạm tính của hàng hóa mua bán hoặc Bên B trả tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng cho Bên A sau khi hai Bên đã hoàn thành quyết toán giá trị của từng lô hàng hóa giao nhận theo Hợp đồng và Bên B đã nhận được Hóa đơn Giá trị gia tăng điều chỉnh (nếu có) của hàng hóa được phát hành bởi Bên A.

2.2. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam ("VND/VNĐ").

2.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản và/hoặc bù trừ công nợ (nếu có). Bên B

sẽ tự chi trả phí chuyển tiền và tất cả các khoản phí và lệ phí ngân hàng khác (nếu có) liên quan đến việc chuyển tiền thanh toán cho Bên A.

2.4. Tiến độ thanh toán:

2.4.1. Thanh toán lần đầu: Bên B thanh toán tối đa 95% giá trị tạm tính của lô hàng giao nhận trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày hai Bên hoàn thành giao nhận (hoặc tạm giao nhận) lô hàng và Bên B đã nhận được hoá đơn GTGT thể hiện giá trị tạm tính của lô hàng do Bên A phát hành gửi Bên B.

2.4.2. Thanh toán lần sau: Bên B sẽ thanh toán cho Bên A giá trị còn lại của lô hàng (nếu có) trong vòng 30 ngày, kể từ ngày hai Bên ký **Biên bản quyết toán giá trị lô hàng (hoặc văn bản có ý nghĩa, giá trị pháp lý tương tự)**.

2.5. Hồ sơ thanh toán lô hàng:

- Văn bản đề nghị thanh toán Bên A gửi Bên B (chỉ áp dụng khi thanh toán chuyển khoản).
- Bản chính Biên bản giao nhận phôi thép giữa Bên A và Bên B (hoặc Bên C).
- Bản chính Biên bản xác định, thống nhất chất lượng lô hàng (hoặc văn bản có ý nghĩa, giá trị pháp lý tương tự) giữa Bên A và Bên B (hoặc Bên C).
- Bản chính Biên bản quyết toán giá trị chính thức lô hàng giữa Bên A và Bên B.
- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ, hợp pháp của hàng hóa thực tế mua bán do Bên A phát hành gửi Bên B.

2.6. Phát hành Hóa đơn GTGT của hàng hóa

2.6.1. Thông tin Bên Mua hàng: Quy định tại phần đầu hợp đồng và/hoặc theo văn bản thông báo của Bên B về các nội dung thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

2.6.2. Phát hành Hóa đơn GTGT tạm tính của hàng hóa:

a) Khối lượng hàng hóa thể hiện trên hóa đơn tạm tính là khối lượng phôi thép các loại đã giao (hoặc đã tạm giao) và Bên B (hoặc Bên C) đã nhận (hoặc đã tạm nhận). Nếu vì lý do khách quan, hai Bên (A & B hoặc C) chưa thể hoàn thành giao nhận lô hàng nhưng Bên B (hoặc Bên C có nhu cầu tạm nhận hàng hóa và gửi lại kho Bên A thì khối lượng hàng hóa được xác định theo khối lượng bình quân các thanh phôi thép. Trong trường hợp này, khối lượng hàng hóa thể hiện trên hóa đơn GTGT tạm tính được hiểu là khối lượng phôi thép tạm tính.

b) Đơn giá mua bán hàng hóa tạm tính: Là đơn giá tạm tính Bên B ký hợp đồng mua bán với Bên C;

c) Thuế suất thuế GTGT: Theo quy định của pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực tế phát sinh giao dịch mua bán (thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa mua bán).

d) Nội dung, thời điểm phát hành hóa đơn GTGT của hàng hóa mua bán: Theo quy định của pháp luật có liên quan.

2.6.3. Phát hành hóa đơn GTGT điều chỉnh hóa đơn GTGT tạm tính đã phát hành:

Sau khi Bên A và Bên B (hoặc Bên C) đã xác định được khối lương phôi thép giao nhận (đã xuất hóa đơn tạm tính) và/hoặc sau khi hai Bên ký Biên bản quyết toán giá trị chính thức của lô hàng hóa mua bán (hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương tự), Bên A sẽ phát hành hóa đơn GTGT điều chỉnh (tăng hoặc giảm) khối lượng, đơn giá, giá trị của hàng hóa, tiền thuế GTGT thể hiện trên hóa đơn GTGT tạm tính đã phát hành.

2.6.4. Hóa đơn GTGT có thể được điều chỉnh nhiều lần nhưng sau khi điều chỉnh lần cuối phải thể hiện đúng, chính xác khối lượng, giá trị hàng hóa thực tế đã mua bán (giao nhận) giữa hai Bên.

2.6.5. Email nhận hóa đơn: Lamtchc@gmail.Com và dungntt.vimico@gmail.com

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của Bên A:

1.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ, quyền sở hữu của hàng hóa bán cho Bên B/Bên C;

1.2. Cung cấp cho Bên B đầy đủ hàng hoá như đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Hợp đồng.

1.3. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B (và/hoặc Bên C) trong quá trình giao nhận hàng hóa. Hướng dẫn, quản lý người đại diện nhận hàng của Bên B hoặc Bên C (bao gồm cả người được Bên B/Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) khi vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của Bên A;

1.4. Chịu trách nhiệm đảm bảo cân điện tử có đủ điều kiện để sử dụng theo quy định của Pháp luật.

1.5. Chịu trách nhiệm đến cùng về chất lượng hàng hoá được giao cho khách hàng của Bên B, chịu trách nhiệm phối hợp với Bên B và các bên để giải quyết trong trường hợp có khiếu nại của khách hàng của Bên B.

1.6. Cập nhật, thông báo kịp thời cho Bên B những thay đổi bất thường về khối lượng và chất lượng hàng hoá được sản xuất.

1.7. Theo đề nghị của Bên B, Bên A có trách nhiệm gửi cho Bên B bản khai báo xuất xứ của Nhà sản xuất/Nhà cung cấp nguyên liệu trong nước theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành theo Thông tư số: 05/2018/TT- BCT ngày 03/04/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa (và/hoặc các quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế của Bộ Công thương ban hành trong quá trình thực hiện hợp đồng - nếu có) .

1.8. Xác nhận khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận, lập Biên bản thống nhất giá trị từng lô hàng/hợp đồng theo những điều khoản quy định trong Hợp đồng này;

1.9. Phối hợp chặt chẽ với Bên B (hoặc Bên C) để giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình giao nhận hàng hóa/thực hiện hợp đồng.

1.10. Phát hành hóa đơn GTGT của hàng hóa theo quy định;

1.11. Định kỳ, không muộn hơn ngày 20 hàng tháng (nếu rơi vào ngày nghỉ thì chuyển sang ngày làm việc liền sau ngày 20) Bên A gửi thông báo cho Bên B về kế hoạch nhu cầu tiêu thụ tháng liền sau (nội dung bao gồm: Khối lượng phôi thép tồn kho dự kiến đến hết tháng, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tiêu thụ,…).

1.12. Định kỳ trước ngày 20 (nếu rơi vào ngày nghỉ thì chuyển sang ngày làm việc liền sau ngày 20) tháng cuối quý, Bên A gửi thông báo cho Bên B về kế hoạch tiêu thụ quý sau (nội dung bao gồm: Khối lượng phôi thép tồn kho dự kiến khi kết thúc tháng cuối quý, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tiêu thụ quý,…).

1.13. Xác định và thông báo giá sàn chào bán phôi thép khi Bên B yêu cầu. Trong trường hợp này Bên A phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về giá sàn do mình xác định và thông báo cho Bên B.

1.14. Trường hợp phát sinh sự kiện phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong hợp đồng mua bán hàng hoá phôi thép giữa Bên B với Bên C do chậm giao hàng, giao hàng thiếu, giao hàng không đảm bảo chất lượng hoặc không giao hàng thì toàn bộ số tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại mà Bên B phải trả cho Bên C (*nếu có*) được tự động chuyển thành nghĩa vụ của Bên A. Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B ngay khi sự kiện phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại phát sinh.

1.15. Thực hiện các trách nhiệm khác đã thỏa thuận trong hợp đồng này và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Bên B:

a) Thông báo cho Bên A biết kế hoạch giao nhận hàng.

b) Thanh toán tiền hàng cho Bên A theo đúng chất lượng, khối lượng đã nhận theo quy định của Hợp đồng. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Hợp đồng.

Điều 7. Ủy quyền và nhận ủy quyền

1. Trong trường hợp Bên B ký hợp đồng mua bán phôi thép thuộc Hợp đồng này với Bên C thì Bên B ủy quyền và CISCO nhận ủy quyền thực hiện:

1.1. Trực tiếp liên hệ và tổ chức giao nhận hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này với Bên C theo quy định của hợp đồng giữa Bên B và Bên C.

1.2. Hướng dẫn, quản lý người đại diện nhận hàng của Bên C bao gồm cả người được Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) khi vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của CISCO (nếu giao hàng tại kho của Bên A); hoặc phối hợp với Bên C hướng dẫn, quản lý người đại diện giao nhận hàng của Bên cung cấp dịch vụ vận chuyển (sau đây gọi/viết tắt là "Bên VT") trong quá trình giao nhận, vận chuyển hàng hóa thuộc hợp đồng này và hợp đồng giữa Bên A & Bên C khi đi trên đường và vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của CISCO và của Bên C.

1.3. Yêu cầu đại diện nhận hàng của Bên C (hoặc Bên VT) tuân thủ đúng các quy định và hướng dẫn của CISCO, của Bên C khi vào khu vực giao nhận hàng; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và mọi rủi ro có liên quan nếu vi phạm quy định gây tai nạn thiệt hại cho chính bản thân mình hoặc người, tài sản của Bên C, của CISCO; nếu vi phạm quy định dẫn đến gây tai nạn thiệt hại cho người, tài sản của Bên C, của CISCO hoặc của Bên thứ 3 khác thì phải bồi thường cho Bên C, CISCO toàn bộ giá trị thiệt hại đó;

1.4. Phối hợp với Bên C, Bên VT để giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình giao nhận hàng hóa và/hoặc thực hiện các nội dung được VIMICO ủy quyền.

1.5. Cân, ghi chép, tổng hợp, đối chiếu, lập, ký hồ sơ giao nhận hàng hóa (Phiếu cân, Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận hàng hóa hàng ngày, Biên bản tổng hợp khối lượng giao nhận từng lô hàng) với Bên C (hoặc với Bên VT);

1.6. Cùng Bên C lấy, gia công, phân chia mẫu và gửi phân tích trọng tài trong trường hợp Bên C có khiếu nại về chất lượng theo quy định của Hợp đồng này và Hợp đồng giữa Bên và Bên C.

1.7. Cùng Bên C đối chiếu, thống nhất, lập, ký xác nhận Biên bản thống số lượng, chất lượng chính thức của lô hàng giao nhận theo các quy định của Hợp đồng này và của hợp đồng giữa Bên B và Bên C;

1.8. Cùng Bên VT nghiệm thu khối lượng, giá trị hàng hóa vận tải theo quy định của hợp đồng giữa Bên B và Bên VT.

1.9. Các nội dung khác (nếu có) theo thông báo của VIMICO gửi CISCO và/hoặc theo thỏa thuận khác (nếu có) thể hiện tại hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc Hợp đồng này ký giữa Bên B và Bên C;

2. Khối lượng, chất lượng hàng hóa thực tế giao nhận được CISCO và Bên C cùng thống nhất, xác nhận sẽ là căn cứ để xác định, thống nhất giá trị hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này giữa VIMICO và CISCO và giữa Bên B & Bên C theo hợp đồng giữa Bên B và Bên C.

3. Khối lượng, chất lượng hàng hóa vận chuyển thực tế giao nhận được CISCO và Bên VT cùng thống nhất, xác nhận sẽ là căn cứ để xác định, thống nhất giá trị chi phí vận chuyển hàng hóa thuộc Hợp đồng này giữa VIMICO và CISCO và giữa Bên B & Bên VT theo hợp đồng giữa Bên B và Bên VT.

4. VIMICO có toàn quyền tự quyết định thay đổi một hoặc toàn bộ nội dung, phạm vi ủy quyền nêu trên nếu thấy cần thiết vào bất kỳ thời điểm nào mà nội dung, phạm vi công việc ủy quyền chưa diễn ra.

Điều 8. Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thoả mãn các quy định tại Khoản 1 Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong toả nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo, Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng, v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại Khoản 5 Điều này.

4. Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 90 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách nhiệm. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại Khoản 5 Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu không giải quyết được thì trong vòng 60 ngày làm việc, kể từ ngày thúc thương lượng, đàm phán không thành, một trong hai Bên đều có quyền đệ đơn đến Tòa án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Toà là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực đối với cả hai Bên. Chi phí giải quyết vụ việc tại Tòa án (bao gồm cả phí thuê Luật sư) do Bên thua kiện chi trả.

Điều 10. Các thỏa thuận khác

1. Không bên nào có quyền sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này khi không có sự đồng ý của Bên kia. Mọi sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được hai Bên đồng ý bằng văn bản.

2. Nếu Bên nào đơn phương thay đổi hoặc vi phạm các điều khoản của Hợp đồng hoặc huỷ bỏ, chấm dứt Hợp đồng mà không có lý do chính đáng và không được sự đồng ý của Bên kia thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại cho Bên kia.

3. Hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 30/6/2031 hoặc được tự động gia hạn đến khi Bên A hoàn trả toàn bộ tiền thanh toán trả trước và tiền chiết khấu cho Bên B – tuỳ theo điều kiện nào đến sau.

4. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản để cùng thực hiện.

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng vào ngày tháng năm ghi tại phần phía trên Hợp đồng này./.

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **TỔNG GIÁM ĐỐC**
Trần Văn Chưởng	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Số: 2236/TTr - VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v chấp thuận/thông qua điều chỉnh Hợp đồng mua bán đồng tấm (đồng Cathode) giữa TKV và VIMICO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường
Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIMICO sửa đổi, bổ sung lần thứ tám ban hành kèm theo Quyết định số: 1380/QĐ - VIMICO ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số: 933/NQ - VIMICO ngày 23/4/2024 ("**NQ 933/2024**") của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP và dự thảo hợp đồng mua bán đồng tấm/đồng cathode (sau đây gọi/viết tắt là "**Dự thảo HĐMB đồng tấm 2025 - 2027**") giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ("TKV/Tập đoàn") và VIMICO kèm theo.

Để phù hợp thực tế sản xuất kinh doanh của TKV, của VIMICO và những thay đổi của các quy định pháp luật có liên quan đến giao dịch mua bán đồng tấm (đồng cathode) giữa TKV & VIMICO; Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông VIMICO xem xét, chấp thuận/thông qua nội dung điều chỉnh dự thảo HĐMB đồng tấm 2025 - 2027:

1. Điều chỉnh nội dung quy định về thanh toán như sau:

1.1. Thanh toán trả trước tiền mua hàng:

- Để hỗ trợ tính thanh khoản và tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMICO, căn cứ đề nghị của VIMICO và tình hình thực tế, khả năng thu xếp tài chính của TKV, TKV có thể xem xét và quyết định thanh toán trả trước tiền mua hàng cho VIMICO số tiền tối đa tương ứng giá trị của 2.200 tấn đồng tấm cộng (+) giá trị đồng tấm tồn kho vào từng thời điểm cụ thể trên cơ sở Hợp đồng mua hàng và đơn giá theo thị trường vào thời điểm.

- Chi phí vốn (đối với giá trị trả trước tiền mua hàng) sẽ được các bên tính toán vào giá quyết toán mua bán Hàng hóa hàng tháng.

- Hồ sơ đề nghị trả trước:

+ Công văn đề nghị trả trước tiền hàng của VIMICO;

+ Báo cáo nhập xuất tồn sản phẩm đồng tấm của VIMICO vào thời điểm đề nghị trả trước cho lượng đồng tấm tồn kho.

1.2. Thanh toán trả sau:

TKV sẽ thanh toán cho VIMICO cho giá trị của Hàng hóa đã được giao trong vòng 20 ngày kể từ ngày TKV nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng sau khi đã bù trừ giá trị trả trước tiền mua hàng (nếu có).

1.3. Xác định và thanh toán chi phí vốn/tài chính, nếu có:

- Không chậm hơn ngày 10 của tháng sau, TKV (Ban KTTC) phối hợp với VIMICO để rà soát, tính toán thống nhất về chi phí vốn/tài chính cho số tiền trả trước của TKV cho VIMICO trong tháng trước đó (nếu có) để làm cơ sở cho VIMICO xuất hoá đơn GTGT giảm trừ doanh thu Hàng hoá tương ứng với số tiền chi phí vốn/tài chính phát sinh của tháng được hai bên xác nhận.

- Số tiền chi phí vốn/tài chính sẽ được TKV trừ vào tiền thanh toán lần đầu tiên của tháng tiếp theo.

2. Hiệu lực thực hiện:

Các nội dung điều chỉnh nêu trên có hiệu lực thực hiện kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông VIMICO thông qua/chấp thuận. Trong quá trình triển khai thực hiện, Đại hội đồng cổ đông VIMICO giao/ủy quyền Hội đồng quản trị VIMICO xem xét/quyết định thông qua/chấp thuận các nội dung điều chỉnh HĐMB đồng tấm giữa TKV & VIMICO đã được thông qua tại Điều 7 NQ 933/2024 (ngoại trừ nội dung quy định về giá mua bán đồng tấm giữa TKV & VIMICO).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như rên;
- Các TV HĐQT;
- Lưu VP, KD.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải